



## Chương mười hai

---

### **THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ DU LỊCH**

- Thương mại - dịch vụ
- Du lịch



## I. THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

### 1. Thương nghiệp thời phong kiến

Người xưa thường nói: *Phi nông bất ổn, phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng*, tức là không có nông nghiệp thì không ổn định, không có công nghệ thì không giàu có, không có buôn bán thì không năng động, không có tri thức thì không thể hưng thịnh. Mặc dầu vậy, nhưng trong hàng ngàn năm lịch sử, các triều đại phong kiến chưa thực sự chú trọng tới hoạt động thương mại, vẫn “trọng nông ức thương”.

Nhưng dù người xưa chủ trương “trọng nông, ức thương”, dù buôn bán bị xem nhẹ và bị định kiến hẹp hòi, nhưng do cuộc sống nảy sinh nhu cầu về vật chất và tinh thần, từng người không thể tự mình làm thỏa mãn toàn bộ những nhu cầu ấy, mà phải thông qua hoạt động trao đổi, mua bán. Hoạt động mua bán chỉ có thể trở thành hoạt động buôn bán khi có sự tác động của tầng lớp thương nhân. Để hoạt động buôn bán được thuận lợi, người ta quy ước với nhau về địa điểm họp, thời gian giao lưu hàng hóa, từ đó các chợ xuất hiện, với các hình thức chợ sáng, chợ trưa, chợ chiều và chợ phiên.

Chợ và hệ thống chợ là tiêu biểu nhất cho mạng lưới nội thương ở đồng bằng sông Hồng. Số lượng tương đối nhiều, mỗi huyện cũng có tới trên chục chợ, phiên chợ này họp lệch phiên chợ kia. Ngoài chợ ra còn có phố. Các trung tâm phủ lỵ bên sông lớn, đầu mối giao thông thủy bộ đều có phố cả. Chợ và phố kết hợp là thị trường địa phương của hương, phủ nhằm giải quyết nhu cầu của các tầng lớp nhân dân trong vùng.

Thủy Nguyên có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông thủy, bộ, sản vật phong phú, lại có nhiều làng nghề, tạo điều kiện thuận tiện cho việc giao lưu, luân chuyển hàng hóa. Thủy Nguyên xưa nằm bên dòng Bạch Đằng, Mỹ Giang, cạnh trấn Yên Quảng (thị xã

Quảng Yên) bên đường giao thương từ Vân Đồn đến kinh thành Thăng Long và từ thời cận đại, nằm trên trục giao thông nối vùng đồng bằng sông Hồng, thành phố cảng Hải Phòng với vùng mỏ. Thủy Nguyên không bị lạc hậu về thông tin kinh tế và khan hiếm hàng hóa.

Với lợi thế về vị trí địa lý, từ xưa, người Thủy Nguyên đã biết đến giao thương, trao đổi sản vật. Các nhà khảo cổ đã khẳng định: Chủ nhân của các di tích Tràng Kênh, Việt Khê, Diệu Tú... đã có sự trao đổi trang sức bằng đá quý, mũi khoan đá, đồ gốm, đồ đồng với nhiều địa phương trong nước và một số nước vùng Đông Nam Á, hải đảo, vùng Nam Trung Quốc. Từ thời Lý - Trần, sông Mỹ Giang (sông Giá), sông Vân Cừ (sông Bạch Đằng) và sông Cấm là đường giao lưu buôn bán quan trọng giữa Vân Đồn với nội địa. Thủy Nguyên đã hình thành một hệ thống chợ khá sầm uất. Một số chợ tiêu biểu: Chợ Đá Bia ở Gia Đức, chợ Giá (Mỹ Giang), chợ Sưa ở An Lư, chợ Đồn ở Tràng Kênh, chợ Tổng ở Lưu Kiếm, chợ Trịnh ở Trịnh Xá, chợ Si ở Nhân Lý, chợ Phục ở Phục Lễ, chợ Triều (Thủy Triều)... Đặc điểm nổi bật là các chợ này đều cận sông. Sông Bạch Đằng là con đường thủy giao thương Việt Nam - Trung Quốc. Người Trung Quốc đi qua Bạch Đằng để vào sâu nội địa nước ta. Gắn với chợ là một số trung tâm thương mại (nơi các thương nhân đến tạm trú, tập kết hàng hóa, bán lẻ hoặc đại diện cho nhà buôn...). Tiêu biểu là phố Khách, chợ Đá Bia ở Gia Đức, phố Long Mã ở Minh Đức, phố Châu ở Lập Lễ... Phố Châu có nhiều khách buôn nước ngoài, nhất là người Hoa và cả công ty Đông Ấn đã đến đây mua tơ sống, hàng mỹ nghệ, rau tươi và xin nước ngọt. Chưa hiểu lý do gì mà phố Châu và phố Long Mã bị tàn lụi, đến nay dấu tích vẫn còn.

Thuyền bè từ các vùng đến Thủy Nguyên trao đổi sản vật và thuyền bè của người Thủy Nguyên cũng theo sông lên miền

ngược rất nhiều. Cho nên, hoạt động buôn bán ở Thủy Nguyên thu hút khá đông nhân lực. Trong các làng xã, không mấy gia đình không có người buôn bán. Buôn bán không còn là công việc xa lạ đối với những người phụ nữ trong các gia đình tiểu nông ở các làng xã. Những “làng buôn” có sức điều phối lớn về hàng hóa ảnh hưởng khắp huyện và các vùng lân cận. Buôn bán đã trở thành công việc bình thường trong những ngày nông nhàn để mang về một phần thu nhập đáng kể cho gia đình, bổ khuyết thu nhập cho thời làm ruộng.

Sự xuất hiện chợ, ở những địa điểm trao đổi cố định, thường kỳ, là sự đột phá quan trọng của kinh tế giao thương vào nền kinh tế khép kín phong kiến, có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, thúc đẩy sự phân công lao động xã hội, sự chuyên môn hóa trong sản xuất. Thủy Nguyên đã có hệ thống chợ từ lâu đời, nhưng phát triển nhất là thời nhà Mạc đầu thế kỷ thứ XVI. Hệ thống chợ này gồm các chợ làng, chợ tổng, chợ huyện, trong đó chợ làng là phổ biến nhất. Chợ làng họp hằng ngày hoặc vài ngày một lần. Chợ tổng, chợ huyện thường họp theo phiên vào ngày chẵn hoặc lẻ theo âm lịch. Phần lớn chợ họp vào buổi sáng, tan vào buổi trưa, một số chợ làng họp buổi chiều.

Số phiên chợ họp trong một tháng và những ngày qui định cho chợ họp có một ý nghĩa quan trọng trong hoạt động buôn bán của từng vùng nông thôn. Việc họp chợ theo phiên trong một tháng không đơn thuần là theo ý muốn chủ quan của đơn vị lập chợ mà phải tùy thuộc vào cơ cấu tổ chức chung của mạng lưới chợ trong một vùng, một khu vực và theo một quy luật nhất định, mặc dù ban đầu cơ cấu này chỉ hình thành một cách tự phát. Quy luật đó là làm thế nào để các chợ trong một vùng không trùng phiên nhau, để trong chu kỳ 10 ngày, ngày nào cũng có phiên chợ họp. Trường hợp chợ Phả họp phiên trùng với chợ Giá nhưng không ảnh

hưởng vì hai chợ này cách xa nhau, đặc sản khác nhau. Việc lập nên hệ thống phiên chợ đã thể hiện rõ tính trật tự trong thiết chế làng xã, góp phần điều tiết và bình ổn đời sống nhân dân. Mặt khác, nó thúc đẩy tính năng động trong hoạt động giao thương của người nông dân, giúp họ nhanh chóng tìm cho mình cách ứng xử với thị trường, cho dù chỉ là trong môi trường làng xã.

Thương nghiệp chợ làng truyền thống ở Thủy Nguyên thường gồm :

- Một số người buôn bán chuyên nghiệp, có lều quán như hàng xén, hàng vải, hàng thịt, hàng cá, hàng lương thực, hàng thực phẩm chế biến... số lượng không nhiều lắm.



Phiên chợ xưa

- Một số nông dân chạy chợ “Đòn gánh dè vai, lấy công làm lãi” thường xuất hiện vào dịp nông nhàn hoặc từ những nhà đông người “thừa nhân lực”.

- Những người tiểu nông đem các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và sản phẩm thủ công ra chợ trao đổi.

Địa điểm họp chợ thường là vùng đất trống, phần lớn là gần trung tâm làng như đình, chùa, gần đường giao thông thủy, bộ. Chợ làng là loại chợ tổng hợp. Mặt hàng chủ yếu là nông sản và một ít hàng thủ công nghiệp. Thường thì chỉ có chợ huyện, chợ tổng (khu vực) mới có hàng buôn bán lớn, đôi khi còn buôn bán cả trâu, bò.



Ở các chợ lớn, khu trung tâm chợ là các dãy quán. Trong nhiều chợ lều tều vài hàng quán nhỏ, xiêu vẹo, cái cao, cái thấp. Khu hàng quán có mái che thường dành cho hàng xén, hàng tấm, hàng sắt, hàng ăn. Phần lớn diện tích còn lại là chợ ngoài trời, được phân khu theo các mặt hàng cùng loại như khu bán hoa quả, khu bán rau, khu bán tôm cá, khu bán cây giống, khu bán gà, vịt, ngan, ngỗng, mè, chó, khu bán hàng mây tre đan... Ở những chợ lớn còn có khu dành cho bán lợn giống, trâu, bò.

Xưa, người đi chợ phiên chủ yếu là nông dân. Cơ cấu mặt hàng của chợ chủ yếu vẫn là nông sản, gia cầm, thịt gia súc do họ chăn nuôi, hoặc tôm cá đánh bắt được. Họ bán để lấy tiền mua sắm vật dụng dùng trong sinh hoạt hằng ngày như vải may áo, quần, dần muối, hoặc sắm thêm dụng cụ để sản xuất, canh tác như cày, cuốc...

Người buôn bán chuyên nghiệp ở chợ làng rất ít, chủ yếu là những người buôn hàng xén, hàng tấm, hàng sáo, hàng sắt. Hàng xén thường buôn tạp phẩm, bao gồm những vật dụng cần thiết cho sinh hoạt của các gia đình, từ kim chỉ, giấy mực đến các đồ thờ cúng như hương, nến, vàng mã... Hàng tấm thường bán vải, quần áo, chăn, màn... Hàng sắt thường bán các loại nông cụ như mai, cuốc, thuổng, liềm, hái, dao, kéo... Hàng sáo, hàng tấm và hàng mây tre đan có thể do thợ thủ công sản xuất và tự đem ra chợ bán, cũng có thể là được mua bán ở các làng nghề, đem bán ở chợ làng. Người buôn bán chuyên nghiệp thường xuyên di chuyển từ chợ này đến chợ khác theo các phiên chợ.

Những phiên chợ Tết giống như ngày hội lớn, ngoài các sản phẩm buôn bán, trao đổi thường ngày, còn có hàng bán lá dong, tranh vẽ, câu đối tết, hoa, cây cảnh và nhiều hàng hóa khác phục vụ Tết Nguyên Đán. Chợ Tết người đến họp chợ đông hơn nhiều các phiên chợ ngày thường.

Sự phát triển của chợ làng của Thủy Nguyên xưa đã tạo ra một hệ thống chợ rộng khắp, bố trí khá hợp lý. Nếu so với các địa phương khác của Hải Phòng thì Thủy Nguyên là nơi có mật độ chợ cao, gần như mỗi xã có một chợ, chưa tính số chợ vì lý do biến động về làng xã đã mất đi, thậm chí có xã có tới 3-4 chợ dù nhỏ, như ở Minh Đức, Gia Đức có chợ Tây Sơn, chợ Đá Bia, chợ Đôn và giữa làng còn có một dãy phố Khách Long Mã - phố cho người Hoa đến ở buôn bán; xã Tân Dương có chợ Chùa Dương Tân, chợ Đình Lỗi Dương, chợ Bến, chợ Đường Đê; xã Lưu Kiếm có chợ Rộc (Phúc Liệt), chợ Thụ, chợ chiều Bến Đê và chợ Tổng là lớn nhất; xã Phục Lễ có chợ Phục, chợ Quán Đá, chợ Quán Ngói, chợ Đường Ngang; xã Trung Hà có chợ Chùa, chợ Quán, chợ Hà Tê v.v..

Nếu không kể những chợ chiều, chợ hôm và các chợ nhỏ khác thì trong toàn huyện Thủy Nguyên xưa có 23 chợ với mức độ giao lưu tương đối đông, trong đó có những chợ lớn như: chợ Mỹ Giang hay còn gọi là chợ Giá (Kênh Giang), chợ Tổng (Lưu Kiếm), chợ Trịnh (Thiên Hương), chợ Si (Cao Nhân), chợ Sưa (An Lư), chợ Thanh Lãng (Quảng Thanh), chợ Phục (Phục Lễ), chợ Núi Đèo (thị trấn Núi Đèo), chợ Chùa (Thủy Triều), chợ Phướn (Thủy Đường), chợ bến Then (Phù Ninh)... Các chợ này có nguồn gốc và dáng vẻ của một chợ quê, nhưng lại mang bóng dáng của một chợ thị thành. Hàng hoá ở đây khá phong phú, ngoài các mặt hàng là sản phẩm địa phương, còn có nguồn hàng từ nơi khác, từ thành phố tràn về, đáp ứng mọi nhu cầu tiêu dùng cho mỗi gia đình sau lũy tre xanh.

Chợ huyện, chợ tổng (gọi là chợ vùng) của Thủy Nguyên chuyên buôn bán các mặt hàng đặc sản địa phương, các loại cây giống, con giống phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng. Chợ vùng thường có các món ăn hợp khẩu vị dân quê như bánh đa, bánh đúc, bún riêu cua, tiết canh lòng lợn, thịt chó... Trước

kia, chợ vùng thường họp theo phiên, 3 ngày hoặc 5 ngày một phiên, nay có chợ vẫn giữ theo lệ cũ, có chợ không. Một số chợ vùng tiêu biểu và nổi tiếng ở Thủy Nguyên là chợ Trịnh xã Thiên Hương, chợ Giá xã Kênh Giang, chợ Chùa xã Thủy Triều, chợ Tổng xã Lưu Kiếm...

- Họp buổi sáng có chợ Bến Tấm (Lại Xuân), chợ Nón (Kỳ Sơn), chợ Thanh Lãng (Quảng Thanh), chợ Si (Cao Nhân), chợ Ngũ Lão (Ngũ Lão), chợ Chùa (Thủy Triều), chợ Tổng (Lưu Kiếm)... Trong các chợ trên, chợ Chùa, chợ Tổng và chợ Thanh Lãng là lớn hơn cả.

- Các chợ họp buổi trưa, buổi chiều gồm: Chợ Quyên xã Hợp Thành, chợ Hoàng Động xã Hoàng Động, chợ Hoa Động xã Hoa Động, chợ Đồng Ngang xã Lập Lễ, chợ Sưa xã An Lư, chợ Quán Gỗ xã Trung Hà, chợ Hôm xã Kiềm Bái. Các chợ trưa và chợ chiều nhìn chung có quy mô nhỏ, hoạt động bổ sung cho các chợ phiên và chợ sáng.

- Chợ họp suốt ngày có chợ Mỹ Đồng xã Mỹ Đồng, chợ Minh Đức (còn gọi là chợ Tràng), chợ Bến Rừng xã Tam Hưng, chợ Phướn xã Thủy Đường, chợ Núi Đèo (thị trấn Núi Đèo), chợ Bến xã Minh Tân. Trong số đó chợ Minh Đức và chợ Núi Đèo (còn gọi là chợ Mới) là hai chợ có quy mô lớn và nhiều mặt hàng hơn. Chợ Núi Đèo bán tất cả các mặt hàng, song nhiều nhất vẫn là hàng công nghệ, như quần áo, giày dép, xà phòng, thuốc lá...

Trong số các chợ quê của Thủy Nguyên, có nhiều chợ ra đời sớm, nổi tiếng một thời, trong đó có một số chợ được sách *Đồng Khánh dư địa chí lược* nhắc đến.

### 1.1. Chợ Mỹ Giang (Xã Kênh Giang)

Chợ Mỹ Giang xuất hiện khá sớm. Chợ nằm bên sông Giá, là đường giao lưu buôn bán quan trọng giữa Vân Đồn với nội địa. Mỹ Giang là sông Giá, miền này có chợ Mỹ Giang (chợ Giá) nổi tiếng, vì thế chợ được mang tên sông, gọi là chợ Giá. Sách *Đại Nam*

*nhất thống chí* chép: “Chợ Mỹ Giang của huyện Thủy Đường là một chợ lớn, là một trung tâm buôn bán lớn nhất trong huyện và khu vực lân cận”. Dân gian trong vùng còn lưu truyền câu ca dao nói về sự nhộn nhịp, sầm uất của chợ Giá một thời: “Nhất cao là núi U Bò, nhất đông chợ Giá, nhất to sông Rừng”. Từ những thế kỷ đầu công nguyên, địa bàn huyện Thủy Nguyên ngày nay được coi là một “đô thị” tập trung các hoạt động kinh tế, nhất là giao lưu buôn bán. Chợ Giá là một trong những địa điểm diễn ra các hoạt



Chợ Giá ngày nay (2015)

động trao đổi hàng hóa nhộn nhịp nhất. Người ta đã tìm thấy trong các mộ gạch, mộ huyệt đất mang phong cách Hán (nhân dân địa phương quen gọi đó là các ngôi mộ Sở) có rất nhiều đồ vật quý hiếm, như mô hình nhà, tượng thú, gương đồng, đồ tùy táng bằng gốm, bằng đồng thau... Điều đó chứng tỏ chủ nhân các mộ này sinh thời là những người giàu có, có uy quyền, thế lực trong vùng. Sự tập trung các mộ mang phong cách Hán lớn và giàu có cho phép nghĩ tới một trung tâm buôn bán sầm uất ở đây. Đặc biệt, sông Bạch Đằng đóng vai trò quan trọng trong giao thông đường thủy đã được phát huy để giao thương với các khu vực nam Trung Quốc, nhiều đồ đồng thời Chiến Quốc đã thấy trong các ngôi mộ cổ ở Thủy Nguyên. Vào khoảng thế kỷ I - III, buôn bán giữa Giao Châu và



Hợp Phố tiếp tục phát triển, như vậy, chắc chắn chợ Giá trở thành một điểm trao đổi thương mại quan trọng trên tuyến đường giao thương thủy giữa Luy Lâu (Thuận Thành - Bắc Ninh) với Hợp Phố (Trung Quốc), giữa nội địa với cửa biển Bạch Đằng. Lúc này, thương lái các nước muốn vào nội địa Giao Châu (tên nước ta thời Bắc thuộc) đều có thể dừng chân ở đây buôn bán, nghỉ ngơi, lấy nước ngọt (trên núi Trúc thuộc địa phận Mỹ Giang có giếng nước ngọt không bao giờ cạn) trước khi tiếp tục cuộc hành trình. Thương nhân ngoại quốc có thể tìm thấy ở chợ Giá các mặt hàng lâm, nông, thổ sản, hương liệu, tơ sớ, đồ gốm sứ, trầm hương, vải, lụa tơ tằm, ngọc trai, sò lớn, lưu ly, giấy thơm và có thể bán cho cư dân bản địa nhiều loại công cụ, vũ khí, đồ dùng gia đình bằng sắt, bằng đồng, đồ trang sức, mặt hàng thủy hải sản, đồ gỗ, tre nứa, song mây, gỗ quý...

Chợ Giá họp ngay trên khu đất trống bên đền chợ Giá, mở xuống sông Giá, tạo nên sự tấp nập cảnh “trên bến dưới thuyền”. Chợ họp theo phiên vào các ngày mồng 1, mồng 6, 11, 16, 21, 26 âm lịch hàng tháng. Chợ Giá hiện vẫn còn lưu giữ được tấm bia đá dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 4, thời hậu Lê (tức năm 1709) nói về việc sửa chữa các lều quán của chợ. Theo truyền ngôn, những năm cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, chợ Giá vẫn là chợ lớn trong vùng, hàng hóa đủ loại theo thuyền buôn từ Vân Đồn, Trà Cổ, Quảng Yên, Hòn Gai, Cát Bà, Bắc Giang, Kinh Môn, Nam Sách... xuống; người Phả Lại, Đông Triều xuôi dòng về sông Giá mang theo thóc, gạo, khoai, sắn đến bán từng dãy dài trong chợ; người Cát Hải, Hà Nam ngược dòng Bạch Đằng mang về tôm, cá. Những năm 70 của thế kỷ 20, khi sông Giá được đắp đập ngăn dòng chảy thành hồ Đà Nẵng để giữ gìn nguồn nước ngọt thì chợ Giá không còn giữ được vị trí vốn có trong lịch sử.



Chợ Lâm ngày nay (2015)

### 1.2. Chợ Lâm (xã Lâm Động)

Chợ Chùa Lâm Động họp vào các ngày mùng 2, 4, 12, 14, 22, 24. Chợ họp gần ngôi đình cũ, cạnh ngôi chùa nên còn gọi là chợ Chùa Lâm Động. Xưa kia tơ lụa được bán nhiều ở chợ này, gần đây, do ảnh hưởng của các chợ lớn bên thành phố, chợ Lâm đang bị thu hẹp về quy mô.

### 1.3. Chợ Phả (xã Phả Lễ)

Chợ Phả Lễ có từ rất lâu đời và là điểm mua bán chính phía hạ lưu sông Bạch Đằng của huyện Thủy Nguyên, thu hút dân cư nhiều nơi tới buôn bán, trong đó có cả thương nhân người Hoa. Chợ họp một tháng 6 phiên, phiên chính vào ngày mùng 1 và mùng 6 hàng tháng. Chợ Phả là chợ lớn, thu hút phần đông nguồn hải sản nước mặn, lợ và cả gà. Chợ Phả cũng đóng vai trò làm trạm chuyển tiếp tôm cá, sò, hến từ các đảo và các miền vùng cửa sông vào đất liền. Người buôn các nơi đến chợ Phả cất tôm cá sang thành phố bán ở các chợ. Nhờ có chợ mà nghề buôn bán ở Phả Lễ phát đạt, góp phần mở mang lưu thông hàng hóa, mở rộng sản xuất, giúp người dân Phả Lễ có tâm nhìn mở rộng hơn.

### 1.4. Chợ Trịn (làng Trịn Xá, xã Thiên Hương)

Chợ Trịn được hình thành khá sớm. Tương truyền, xưa kia chợ Trịn có tên gọi là chợ Giàng họp vào buổi tối, sát bờ sông khu vực xóm Trại, giáp với thôn Trịn Hương và

Đồng Giá. Những năm ấy, khu chợ Giàng là rừng rậm, cây cối um tùm, có nhiều loại muông thú. Chợ Trịn là loại chợ lớn trong huyện, khi mới thành lập, chợ họp hàng ngày và cứ 5 ngày lại có phiên họp chính vào các ngày 3 và 8 của tháng âm lịch. Sau này, chợ Trịn mỗi tháng họp 6 phiên vào các ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. Chợ Trịn là địa điểm trao đổi hàng hóa lớn nhất của khu trung tâm huyện, sát ngã ba đi bến Kiền, bến Đụn, Núi Đèo. Thế mạnh của chợ Trịn là bán nhiều hoa quả (chuối, cam, chanh, bòng, bưởi) và lợn giống. Những ngày lễ tết hoặc mồng một, ngày rằm, khách thường tới chợ mua hoa quả rất tiện lợi.



Chợ Trịn ngày nay (2015)

### 1.5. Chợ Thanh Lãng (làng Thanh Lãng, xã Quảng Thanh)

Chợ Thanh Lãng xã Quảng Thanh, xuất hiện từ sớm do nhu cầu tự nhiên của dân cư trong vùng phía Tây - Bắc của huyện Thủy Nguyên. Chợ gắn liền với chùa là truyền thống thường thấy ở những địa phương được coi là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng của vùng. Khác với thông lệ “đi chợ có phiên” như chợ Giá, chợ Tổng, chợ Trịn

cùng huyện, chợ Thanh Lãng họp đủ 30 ngày trong tháng, từ sáng sớm đến trưa. Chợ Thanh Lãng là điểm buôn bán lớn của vùng Tây Bắc huyện. Chợ bán nhiều mặt hàng, song nhiều nhất vẫn là lương thực (gạo, khoai, sắn). Người Mạo Khê, Kinh Môn, Thanh Hà muốn bán nông phẩm được giá thường qua đò về chợ Thanh Lãng.

### 1.6. Chợ Phướn (làng Thường Sơn, xã Thủy Đường)

Chợ Phướn xưa là một chợ lớn, lâu đời nhất ở khu vực Đông - Nam huyện Thủy Nguyên. Thần tích đình làng Thường Sơn có chép về gia đình ông Phạm Hoàng và bà Hoàng Thị Bích sống vào thời Đinh - Lê, vì nhà nghèo phải kiếm sống bằng nghề bán chè tươi. Nơi hai ông bà lập quán, dần phát triển thành chợ lớn gọi là chợ Phướn. Lê Hoàn trong một lần kéo quân ra Bạch Đằng dẹp giặc đã dùng chợ Phướn làm địa điểm tập hợp lực lượng và đóng quân ở đây.

Chợ Phướn chủ yếu bán sản phẩm của địa phương sản xuất, như giá đỗ và bánh trái. Làng Thường Sơn trời phú cho nguồn nước ngọt dưới đượng cát để đào giếng khơi, ngâm giá đỗ. Hiện nay, giá đỗ Thường Sơn không chỉ cung cấp cho thị trường Thủy Nguyên, nội thành Hải Phòng mà còn đáp ứng rộng rãi thị trường tỉnh bạn. Bánh ở đây cũng phong phú về chủng loại: Bánh chưng, bánh tày, bánh giầy, bánh giò, bánh gai, bánh mật, bánh gấc, bánh cặp, bánh trôi, bánh chay, bánh rán, bánh gio, bánh nếp, bánh tẻ, bánh khúc... Sản phẩm không chỉ bán lẻ ở chợ mà còn bán buôn với số lượng lớn. Tết cổ truyền dân tộc, bánh chưng xanh Thủy Đường được nhiều nơi đặt mua. Nhân dân nội thành Hải Phòng, các vùng Cát Hải, Hồng Gai, Móng Cái, Mạo Khê, Uông Bí... đều đến đặt. Tất cả các loại bánh đều không dùng khuôn để gói mà gói bằng tay, phần lớn do phụ nữ đảm nhiệm.



**1.7. Chợ Sưa (xã An Lữ)**

Chợ Sưa, mang tên làng Sưa (tên của làng quê cũ của những người dân vùng Cẩm Giàng về lập nghiệp) thuộc xã An Lữ, nằm ở vị trí khá thuận tiện, trên bến dưới thuyền



Chợ Sưa ngày nay (2015)

và thuộc loại lớn trong vùng. Đây là chợ đầu mối buôn bán thủy hải sản. Chợ họp vào buổi chiều phù hợp với đặc điểm sản xuất của người dân An Lữ là đi làm đồng, đánh bắt cá tôm thông buổi (từ 8 giờ đến 3 giờ chiều). Dân làng các xã lân cận cũng đến chợ này buôn bán. Đặc biệt, hằng năm, chợ Sưa họp vào 6 giờ sáng ngày mồng một Tết nguyên đán. Chợ Tết truyền thống hằng năm này xuất phát từ nghề đánh bắt hải sản của người dân An Lữ xưa thường ở các vùng sông biển nơi xa, nhiều người về không kịp để đón giao thừa, họ nhóm họp lại sáng ngày mồng một để bán hàng “cầu may” đầu năm. Vì vậy, phiên chợ này chủ yếu là hải sản như tôm, cua, cá, mực, sò, ngán, bông thưa... Tại đây, mọi người gặp gỡ, chúc nhau một năm mới nhiều may mắn, làm ăn thuận lợi. Đến nay, chợ không chỉ dành cho người dân địa phương mà người dân ở các xã khác cũng đến buôn bán với nhiều mặt hàng.

**1.8. Chợ Hà Tê (xã Trung Hà)**

Xưa kia, thôn Chung Mỹ có chợ Chùa, chợ Quán. Thôn Hà Tây (Trung Hà) có chợ Hà Tê. Chợ Chùa và chợ Hà Tê không chỉ có nhân

dân trong vùng đến buôn bán mà còn thuyền buôn từ Nam Hải, Hải Ninh, Hòn Gai, Cẩm Phả, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng và các vùng lân cận. Hàng hóa, sản vật khắp nơi được đưa đến chợ để trao đổi từ lâm thổ sản, đến hải sản, đồ gốm, giống cây, giống con gia súc, vật liệu xây dựng... Khi tướng Nguyễn Tri Phương cho quân về xây dựng khu quân sự Bồ Đồn, phía Bắc núi Chùa chống Pháp, chợ Hà Tê chuyển nhập vào chợ Giá.

**1.9. Chợ Đá Bia (làng Gia Đức, xã Gia Đức)**

Cũng như dân cư trong vùng, người dân Gia Đức có nghề khai thác vật liệu xây dựng và điêu khắc đá. Có lẽ từ đó đã hình thành chợ Đá Bia nổi tiếng. Chợ Đá Bia nằm trên địa bàn làng Bạch Đằng bên sông Bạch Đằng. Xưa kia nơi đây thuyền bè của thương nhân các vùng và Trung Quốc sang trao đổi. Họ mang vải vóc sang trao đổi các sản vật, đồ chạm khắc đá và đồ gốm. Các thương nhân người Hoa đặt các trạm thu mua, rồi sinh sống tạo lên các phố Khách. Nhờ giao thương mà vùng Gia Đức, ngoài chợ Đá Bia, còn hình thành nhiều chợ khác, như chợ Thưa (trên địa bàn làng Giá), chợ Đồn (trên địa bàn làng Bạch Đằng), chợ Tây Sơn và phố Khách- nơi người Hoa buôn bán - ở làng Long Mã. Hiện nay, các địa phương này còn để lại khá nhiều di vật, như nhiều mảnh đồ gốm thời Lý- Trần (thế kỷ 11 - 13), Lê - Mạc (thế kỷ 15- 17) và nhiều tấm bia đá nổi tiếng. Tiêu biểu là các bia có niên hiệu Đoan Khánh thời vua Lê Uy Mục (1505 - 1509); niên hiệu Diên Thành (1578 - 1585) và Đoan Thái (1586 - 1587) thời Mạc Mậu Hợp; thời vua Lê Thần Tông (1619- 1643); niên hiệu Chính Hòa thời Lê Hy Tông (1680 - 1705) v.v.. Ngoài ra, hiện còn một phủ bia ghi Thanh Lương quán nằm trên khu đất chợ Thưa; một bia ma nhai thời Mạc khắc trên vách núi Mã.

**1.10. Chợ Chùa (xã Thủy Triều)**

Chợ Chùa xưa thuộc tổng Kinh Triều, gồm 3 làng Chung Mỹ, Tuy Lạc và Kinh Triều. Chợ nằm trên rẻo đất nhỏ, sát bên đường lớn. Chợ họp trên đất của ngôi đền tứ phủ, gần chùa 3 xã nên gọi là chợ Chùa. Chợ họp từ 5 giờ đến 8 giờ sáng, người đến chợ rất đông, tập trung nhiều hàng hóa. Cá và rau là hai mặt hàng bán nhiều nhất. Từ đây, rau và cá được các tư thương mua cất sang thành phố hoặc các chợ khác trong huyện. Có thể xem như là chợ đầu mối từ các xã phía Đông Nam huyện đi các nơi và là một trong những điểm buôn bán lớn của huyện.



Chợ Chùa ngày nay (2015)

**1.11. Chợ Tổng (xã Lưu Kiếm)**

Chợ Tổng xưa là chợ của tổng Trúc Động. Tổng này vốn có nhiều chợ: chợ Rộc (Phúc Liệt), chợ Thụ (Thụ Khê), chợ chiều bến Dê và chợ Tổng. Chợ Tổng là địa điểm trao đổi hàng hóa lớn nhất trong cộng đồng và khu vực. Trong chợ, hàng hóa nông, lâm sản, hải sản khá phong phú do người trong khu vực chở đến tiêu thụ. Thương nhân về trao đổi hàng ở chợ không chỉ có người trong huyện mà có ở khắp nơi, cả Kinh Kỳ, Kinh Bắc và Quảng Đông, Hồng Kông (Trung Hoa).



Chợ Tổng xã Lưu Kiếm ngày nay (2015)

Điều đặc biệt của vùng đất Lưu Kiếm xưa còn có chợ Rộc nằm ở xóm Trung Phúc Liệt, một năm chỉ họp 1 phiên vào mồng 2 Tết cổ truyền. Chợ không chỉ có người địa phương, mà còn có thương nhân từ Bắc Ninh, Chí Linh, Đông Triều xuôi thuyền về đậu kín cả Bến Hà. Người về chợ không chỉ mua lâm hải sản, đặc sản mà còn để cầu phúc, cầu xuân, mua may, bán đất. Phiên chợ Rộc mồng hai Tết hằng năm, hải sản nhiều vô kể, thực sự là ngày hội Xuân của làng Phúc Liệt, một nét đẹp văn hóa truyền thống của địa phương. Rất tiếc từ những năm tháng chiến tranh, tập quán đẹp này không còn nữa.

**1.12. Chợ bến Then (làng Phù Lưu, xã Phù Ninh)**

Sông Hòn Ngọc chảy qua làng Doãn Lại đoạn đến bến Then thì uốn lượn sát vào gò Từ Văn (xóm Từ Văn) thuộc thôn Phù Lưu ngày nay. Quãng này, sông vừa sâu vừa rộng, nên từ xa xưa đã hình thành chợ bến Then với một bến thuyền lớn, thuyền bè qua lại tấp nập. Chợ bến Then vốn là chợ hàng tổng sầm uất, từng nổi tiếng khắp huyện Thủy Nguyên



và Kinh Môn một thời. Do nằm sát sông Kinh Thầy, thuyền bè từ khắp vùng từ Kinh Môn, Phả Lại (Hải Dương), Đông Triều (Quảng Ninh), thậm chí từ Trà Cổ, Móng Cái, Vân Đồn (Quảng Ninh), Hoa Phong (Cát Hải) đến mạn Kinh Bắc. cũng đưa hải sản, mắm muối, lâm thổ sản, hàng gốm sứ... về chợ bến Then, bến Đình (Phù Lưu), bến Một (Ngọc Khê), bến Vệt (Việt Khê)... để buôn bán, trao đổi.

Chợ là nơi diễn ra những hoạt động buôn bán, trao đổi. Sự ra đời của mạng lưới chợ làng là sản phẩm của quá trình mở rộng của kinh tế hàng hoá nhỏ tồn tại hàng nghìn năm, đánh dấu sự phát triển vượt bậc trong nền kinh tế tiểu nông ở vùng quê Thủy Nguyên xưa. Đó cũng là bước khởi đầu của nền kinh tế hàng hoá để người nông dân làm quen với nền kinh tế thị trường. Chợ làng không chỉ là trung tâm thương mại, trao đổi hàng hoá, trao đổi thông tin kinh tế xã hội, chính trị của một cộng đồng dân cư đông đúc mà còn phản ánh trình độ sản xuất, tiềm năng tự nhiên, cuộc sống vật chất, sức mua bán, tiêu dùng của khu vực nông thôn, nông nghiệp.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng như vậy, chợ làng đã góp phần củng cố mối liên hệ cộng đồng rất lớn, là sợi dây cố kết tập thể cư dân của nhiều xã trong một vùng, bước qua những rào cản phong kiến của lệ làng hà khắc. Chợ và văn hóa chợ còn là những địa điểm du lịch nhân văn quyến rũ du khách trong và ngoài nước, nơi bảo tồn nét đẹp và bản sắc văn hoá cổ truyền của dân tộc.

Chợ quê đã thực sự đi vào cuộc sống thường nhật, sôi động của người dân Thủy Nguyên xưa. Nó đã trở thành những thực thể quan trọng của nông thôn, gắn bó với từng con người, từng làng quê. Hoạt động nông nghiệp, thủy sản và thủ công càng phát triển, nhu cầu lưu thông, tiêu thụ hàng hoá các loại ngày càng cao, thu hút ngày càng nhiều lao động tham gia hoạt động buôn bán ở các chợ.

Hoạt động buôn bán ở Thủy Nguyên đã thực sự ăn nhập vào mạch đời cuộn cuộn chảy, nhưng chưa phải là dòng chính lưu. Ở các làng có chợ, cho dù số thương nhân có phát triển thì họ cũng không thể tách ra thành tầng lớp độc lập và vươn lên nắm vai trò chủ đạo chi phối làng xã. Ở các làng này, kinh tế thương nghiệp dù có phát triển đến mức nào thì nó vẫn phải dựa trên mô hình làng nông nghiệp với những kết cấu kinh tế - xã hội truyền thống. Nhiều người nhờ buôn bán mà tậu được “tòa dọc, dãy ngang”, song phần đông chỉ đủ cầm cự với thiếu thốn lúc tháng ba ngày tám, trong khi việc “nông nhàn”. Như vậy, chợ làng không những không làm giải thể kinh tế tiểu nông làng xã mà còn góp phần củng cố cấu trúc kinh tế truyền thống lấy nông nghiệp làm cơ sở. Bởi lẽ, cơ cấu mặt hàng của chợ chủ yếu vẫn là nông sản mà phần nhiều là tự sản, tự tiêu ở trong vòng của kinh tế tự túc, tự cấp. Chợ làng là nơi người nông dân bán những sản phẩm chưa dùng đến và là nơi họ mua những sản phẩm thiếu. Hình thức trao đổi ở chợ, xét cho cùng cũng là vật đổi vật, bán vật này để mua vật kia, vai trò của tiền tệ không lớn lắm. Mạng lưới chợ vừa là biểu hiện của sự bế tắc của kinh tế tiểu nông, vừa là biện pháp giải quyết bế tắc đó. Nó thúc đẩy sự phát triển sản xuất hàng hoá trong kinh tế tiểu nông, đồng thời nó cũng góp phần bổ sung và duy trì kinh tế tiểu nông. Hai mặt khác biệt này cùng tồn tại, cùng phát huy tác dụng tạo nên tính ổn định (hoặc thay đổi rất chậm) của sinh mệnh và của cấu trúc hàng hoá chợ.

Với sự tác động qua lại đó, hệ thống chợ đang từng bước được các địa phương đầu tư nâng cấp khang trang và đẹp đẽ hơn. Chợ quê thực sự trở thành một trung tâm văn hoá có sức lan toả cao. Ngày nay, các chợ ở Thủy Nguyên ngày càng bảo đảm tốt chức năng trao đổi hàng hoá giữa nông nghiệp và công nghiệp, phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân trên địa bàn. Hàng hoá bày bán ở các chợ chủ yếu là mặt hàng tiêu dùng như

lương thực, thực phẩm, vải, muối; các mặt hàng cao cấp như điện tử, điện lạnh đã tăng nhanh. Chợ nông thôn ở Thủy Nguyên phát triển mạnh, toàn huyện có 56 chợ.

## 2. Thương mại thời Pháp thuộc

Trong hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, trong đó có 45 năm đầu thế kỷ XX, kinh tế Việt Nam nghèo nàn và lạc hậu. Trong nông nghiệp, thực dân Pháp tiếp tục duy trì kiểu bóc lột phong kiến bằng tô tức, sưu cao thuế nặng. Người nông dân phải chịu cảnh một cổ hai tròng là thực dân và phong kiến. Phần lớn ruộng đất tập trung vào tay bọn địa chủ và chủ đồn điền người Pháp.

Sau khi thiết lập bộ máy cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam, chính quyền thực dân tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa trên quy mô lớn. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập, kích thích sự hình thành và phát triển những yếu tố tư bản chủ nghĩa trong nước, làm thu hẹp và dần phá vỡ quan hệ sản xuất phong kiến. Việt Nam chuyển dần từ nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp lạc hậu sang nền kinh tế thuộc địa nửa phong kiến, hoàn toàn bị chi phối bởi giới tư sản Pháp. Vùng đất Hải Phòng từng bước được đô thị hóa, trở thành cửa khẩu giao lưu quốc tế, trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn nhất Bắc Kỳ, tạo nên những biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế - xã hội, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thương mại.

Các cơ sở kinh tế, hệ thống giao thông thủy, bộ, đường sắt, được hình thành càng thúc đẩy thương mại phát triển. Với chính sách khai thác thuộc địa Đông Dương của thực dân Pháp là *Thuộc địa Đông Dương phải được đặc biệt dành riêng cho thị trường Pháp. Ngành xuất cảng của nước Pháp sẽ thấy nơi đây là nguồn tiêu thụ hàng hóa rất có lợi cho mình* và mục tiêu cuối cùng của chúng là mở ra thị trường tiêu thụ hàng hóa, khai thác tài nguyên cho công nghiệp chính quốc để đạt siêu lợi nhuận tối đa. Từ sớm, cảng Hải Phòng

đã xuất về Pháp và các nước khác nhiều khoáng sản, nông sản, nhập những hàng hóa tiêu dùng như rượu, vải, khăn mặt, tơ lụa, tất, chè, muối, dầu lửa, đồ hộp...

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Thủy Nguyên nằm trong vùng tạm bị chiếm, mọi hoạt động sản xuất hàng hóa thời kỳ này đều bị quân Pháp bao vây, cô lập và phá hoại kinh tế của ta. Đặc biệt, những năm 1951-1953, chúng đẩy mạnh việc dồn làng, đuổi dân ở các vùng ven căn cứ du kích ở Doãn Lại, Trại Sơn, Liên Khê, Lưu Kiếm để lập vành đai trắng. Những mặt hàng nhu yếu phẩm như vải, muối, dầu hỏa, thuốc chữa bệnh... bị địch bao vây, kiểm soát chặt chẽ, ngăn cấm buôn bán, bắt bỏ thương nhân và tịch thu hàng hóa. Chúng không chú ý đến việc sửa chữa đê điều, cầu cống. Do vậy, hạn hán, úng lụt xảy ra liên miên, làm cho sản xuất nông nghiệp, thủ công gặp nhiều khó khăn, đình đốn. Ở các chợ nông thôn, việc cung ứng hàng hóa, rau, quả, gia cầm, gia súc, thực phẩm tươi sống, mắm muối, đường mật và một số mặt hàng thông dụng, khăn mặt, dầu thắp sáng, giấy bút mực cho học sinh, đồ dùng gia đình (nồi, chảo, ấm chén, bát đĩa, chum vại, đồ đan lát...) ngày một khan hiếm. Thay vào đó là hàng công nghệ phẩm nhập khẩu phục vụ cho giai cấp thống trị và quân đội địch. Mục tiêu chính của chúng là tiêu thụ hàng hóa ứ đọng của đế quốc, không trực tiếp phục vụ sản xuất và nhu cầu của đại đa số nhân dân lao động. Chúng dùng mọi biện pháp nâng giá hàng công nghệ lên, ép giá thóc gạo và các nông sản, thực phẩm khác của ta. Trong khi đó, các mặt hàng xa xỉ, hàng cấm tràn ngập thị trường, gây nhiều khó khăn cho kháng chiến và ảnh hưởng rất lớn đến đời sống nhân dân.

Để ngăn chặn âm mưu phá hoại của địch, Đảng bộ huyện Thủy Nguyên đã kịp thời có những hoạt động tích cực phản công lại thủ đoạn này:

- Tuyên truyền phổ biến chính sách đấu tranh của ta với địch và chính sách phát triển



công thương nghiệp, làm chuyển biến quan niệm coi thường thương nhân của các tầng lớp nhân dân.

- Lãnh đạo và vận động nhân dân, thương nhân đẩy mạnh bán hàng nông sản và nhập hàng công nghệ phẩm cần thiết cho kháng chiến và đời sống nhân dân ở vùng căn cứ du kích.

- Vận động rộng rãi nhân dân bài trừ hàng xa xỉ phẩm và hàng cấm. Tuyên truyền và vận động thương nhân ở các chợ không buôn bán hàng xa xỉ, hàng cấm.

Điều đặc biệt nhất của nhân dân Thủy Nguyên trong kháng chiến là đã hình thành được mạng lưới chợ chuyên bán hàng cho chiến khu. Chợ họp bí mật thường ở sát vùng địch để thu gom hàng hóa như muối, dầu hỏa, vải vóc... cung cấp cho chiến khu (gọi là chợ kháng chiến). Chợ kháng chiến là sản phẩm đầy sáng tạo của thương nhân ở Thủy Nguyên.

Việc khai thông, mở rộng thị trường, khôi phục chợ nông thôn tạo điều kiện cho nhân dân mua bán thuận lợi, góp phần bình ổn vật giá, tăng nguồn thu cho ngân sách, từng bước đẩy mạnh quá trình phục hồi và phát triển kinh tế ở các địa phương trong huyện.

Nhìn chung, thương mại - dịch vụ thời kháng chiến chống Pháp giao lưu hàng hóa và các mặt hàng đều nghèo nàn. Nhưng điều quan trọng là đã góp phần ổn định dân sinh và phục vụ kịp thời những mặt hàng thiết yếu cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Thủy Nguyên.

### 3. Thương mại thời kỳ 1955-1985

#### 3.1. Xây dựng mạng lưới kinh doanh

Ngay sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, Đảng ta đã sớm có chủ trương xây dựng thương nghiệp quốc doanh (mậu dịch quốc doanh) và hợp tác xã mua bán. Hội nghị

Trung ương Đảng lần thứ 8, khóa II, họp tháng 8 - 1955, đã đề ra nhiệm vụ: *“Điều chỉnh nền thương nghiệp trước đây phục vụ đế quốc, chiến tranh xâm lược và một số người thành thị, thành thương nghiệp phục vụ dân sinh và sản xuất; khôi phục và phát triển thương nghiệp trên cơ sở tăng cường mậu dịch quốc doanh, làm cho mậu dịch quốc doanh chiếm ưu thế trên thị trường, đồng thời phát triển vững chắc hợp tác xã mua bán ở những nơi đã cải cách ruộng đất”*.

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 13-5-1955, quê hương được giải phóng thì ngày 15-5-1955, ngành thương nghiệp quốc doanh huyện Thủy Nguyên được thành lập. Hợp tác xã mua bán huyện kết hợp với các công ty ngành hàng của khu Hồng Quảng, như cửa hàng công nghệ phẩm (lúc đầu là cửa hàng bách hoá bông vải sợi) làm nhiệm vụ khai thác và tiếp nhận hàng hoá đưa về phục vụ nhân dân. Các tổ bán hàng mậu dịch gánh hàng xuống các chợ ở Phục Lễ, Phả Lễ, Núi Đèo, chợ Tổng, Thanh Lãng, Lâm Động, Minh Đức, chợ Chùa, chợ Giá... để bán. Chị em mậu dịch viên còn phải gửi hàng trong nhà dân vì chưa có các quầy hàng, cửa hàng.

Những năm 1958-1960, mạng lưới các cửa hàng mậu dịch quốc doanh phát triển nhanh ở các địa bàn. Năm 1958, huyện đã xây dựng được 2 cửa hàng lưu động, 5 lò mổ, 16 cửa hàng bách hoá, 2 cửa hàng dệt và các cửa hàng công nghệ phẩm ở Trịnh Xá (Thiên Hương), Núi Đèo, Thanh Lãng (Quảng Thanh), chợ Tổng (Lưu Kiếm), Phục Lễ... để phục vụ nhân dân. Năm 1962, huyện thành lập cửa hàng thu mua xuất khẩu và nội địa. Cửa hàng này vừa làm nhiệm vụ thu mua thịt lợn, gia cầm, chuối, dưa chuột, thuốc Lào, chiếu cói của nông dân sản xuất ra vừa cung cấp hàng tiêu dùng cho nhân dân địa phương và xuất khẩu. Thương nghiệp quốc doanh nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường nông thôn.

Quan điểm xuyên suốt trong quá trình xây dựng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh là tổ chức riêng biệt hệ thống bán buôn và hệ thống bán lẻ. Trong bán lẻ, ngành thương nghiệp tách riêng hệ thống cửa hàng bán giá cung cấp, ổn định các mặt hàng thiết yếu và hệ thống cửa hàng kinh doanh theo giá thương nghiệp. Ở những địa phương tập trung nhiều cơ quan, xí nghiệp như Trịnh Xá, Núi Đèo, Minh Đức... ngành mở rộng hệ thống quầy hàng, cửa hàng xuống tận các khu vực, trực tiếp cung cấp các mặt hàng định lượng, nhất là lương thực, thực phẩm.

Tháng 11 - 1958, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 quyết định cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, buôn bán nhỏ và tư bản tư doanh; quyết định kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa 3 năm (1958 - 1960). Trong những năm đầu giải phóng, trên địa bàn huyện Thủy Nguyên có trên 3.000 hộ tiểu thương, chủ yếu loại nhỏ và vừa, không có tư sản loại lớn. Hầu hết số tư thương này đều tự kinh doanh, không thuê mướn nhân công. Hình thức cải tạo chủ yếu đối với số hộ tiểu thương này là công tư hợp doanh, trên cơ sở thành lập các tổ mua chung, bán chung hoặc mua chung, bán riêng. Quá trình cải tạo đã bám sát nguyên tắc kiên quyết, triệt để nhưng mềm dẻo, có tình, có lý, có biện pháp phù hợp với từng hộ, đảm bảo cải tạo hòa bình, không gây tình hình căng thẳng. Theo nguyên tắc cải tạo này, chính quyền huyện chỉ đạo các địa phương tổ chức học tập về chính sách hòa bình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thương để mọi người hiểu và tự giác tham gia. Do vậy, chỉ trong thời gian ngắn, các tổ mua chung, bán chung hoặc mua chung, bán riêng dưới hình thức hợp tác ở các xã được thành lập. Các tổ hợp tác này sớm ổn định, đi vào hoạt động bình thường. Nhiều hộ sản xuất và kinh doanh những ngành hàng quan trọng như vôi, gạch, đồ gỗ, kim khí, xay xát... đã tự nguyện bán sản phẩm cho Nhà nước theo giá

quy định, tham gia hình thức công tư hợp doanh và từng bước được chuyển hóa thành đơn vị quốc doanh.

Từ năm 1959, cùng với cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, các hợp tác xã mua bán được thành lập ở các xã. Hợp tác xã mua bán vừa bán hàng đại lý cho mậu dịch quốc doanh vừa thu mua ủy thác, đồng thời thu mua hàng nông sản phục vụ bà con xã viên ở địa phương. Hợp tác xã mua bán xã là tổ chức thương nghiệp có tính chất xã hội chủ nghĩa, do tập thể quần chúng lao động ở địa phương tự nguyện góp vốn, phục vụ sản xuất và đời sống, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh. Hầu hết hộ xã viên nông nghiệp đều góp cổ phần trong hợp tác xã mua bán. Hợp tác xã mua bán ra đời còn đáp ứng yêu cầu cải tạo những người buôn bán nhỏ, để khắc phục tình trạng đầu cơ tích trữ, mua rẻ bán đắt của tiểu thương, tạo điều kiện đưa họ về lao động sản xuất tập thể. Hợp tác xã mua bán đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Uỷ ban hành chính xã và sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ chuyên môn của hợp tác xã mua bán huyện. Mỗi xã bố trí một cửa hàng bán lẻ tổng hợp. Một số xã còn tổ chức các quầy hàng lưu động, gánh hàng lưu động phục vụ các mặt hàng thiết yếu như mắm, muối, diêm, dầu hoả, thuốc Lào... cho các thôn xóm ở cách xa khu vực trung tâm xã.

Hệ thống hợp tác xã mua bán cùng với mạng lưới thương nghiệp quốc doanh tạo nên hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, chiếm lĩnh toàn bộ hoạt động bán buôn, thu mua hàng nông sản và chiếm tỷ trọng áp đảo trong hoạt động bán lẻ. Trong điều kiện sản xuất chưa phát triển, nguồn hàng khan hiếm, hợp tác xã mua bán đã hỗ trợ thương nghiệp quốc doanh làm tốt công tác phân phối, đáp ứng nhu cầu thiết yếu về hàng tiêu dùng và vật tư sản xuất cho nhân dân. Sau 3 năm (1958 - 1960) tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các hộ tiểu thương, hoạt động thương nghiệp trên địa bàn Thủy



Nguyên có sự thay đổi đáng kể. Chỉ tính 2 năm đầu thực hiện cải tạo công thương nghiệp (1958 - 1959), doanh số bán ra trên địa bàn huyện như sau:

- “Về bán buôn: Quốc doanh chiếm 67,4%, tư thương 32,6%.

- Về bán lẻ: Quốc doanh chiếm 8,9%, hợp tác xã mua bán chiếm 30,5%, tư thương chiếm 55,7%.

- Vừa bán buôn vừa bán lẻ: Quốc doanh chiếm 19,3%, hợp tác xã mua bán chiếm 25%, tư thương chiếm 55,7%.”<sup>(1)</sup>

Các hợp tác xã mua bán, tín dụng cùng với hợp tác xã nông nghiệp (ngư nghiệp) tạo thành phong trào “Ba ngọn cờ hồng” ở nông thôn lúc đó. Các hợp tác xã này có quan hệ tác động hỗ trợ nhau cùng phát triển, góp phần hỗ trợ đặc lực cho phát triển kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

Những địa phương tiêu biểu cho phong trào “Ba ngọn cờ hồng” ở nông thôn Thủy Nguyên thời kỳ năm 1958 - 1960 là Lưu Kiếm, Trung Hà, Phả Lễ, Ngũ Lão, Hoa Động, Thủy Đường.

### 3.2. Phương thức kinh doanh

Trong những năm 1961 - 1985, ở Thủy Nguyên, toàn bộ hoạt động mua bán hàng hóa đều do hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa độc quyền quản lý, bao gồm thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán.

#### 3.2.1. Hoạt động mua vào

Thương nghiệp quốc doanh tiến hành thu mua hàng hóa, vật tư theo ba phương thức chủ yếu:

+ Hàng hóa, vật tư nhận từ Trung ương, được cân đối theo kế hoạch Nhà nước và được nhận tại các đơn vị thương nghiệp quốc doanh Trung ương, còn gọi là Thương nghiệp cấp I.

(1) Huyện ủy Thủy Nguyên - *Lịch sử Đảng bộ huyện Thủy Nguyên* (1930-2013), NXB Hải Phòng, 2013, tr.195.

+ Hàng hóa, vật tư, nông sản do các xí nghiệp quốc doanh (xí nghiệp công nghiệp, nông trường quốc doanh), hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo kế hoạch Nhà nước.

+ Hàng hóa, vật tư trao đổi với tỉnh ngoài.

Các đơn vị thương nghiệp quốc doanh cấp tỉnh (cấp 2) được giao kế hoạch tiếp nhận vật tư, hàng hóa từ ba nguồn chủ yếu trên. Căn cứ vào kế hoạch Nhà nước hàng năm, quý, tháng, các đơn vị thương nghiệp cấp tỉnh tiến hành giao vật tư cho xí nghiệp sản xuất, cung cấp hàng hóa cho mậu dịch quốc doanh bán lẻ trực tiếp và thương nghiệp quốc doanh huyện (cấp 3) hoặc ủy thác cho hợp tác xã mua bán phục vụ người tiêu dùng trong huyện. Ngoài ra, thương nghiệp quốc doanh cấp huyện còn có nhiệm vụ thu mua thực phẩm, rau quả, cây công nghiệp giao cho hệ thống thương nghiệp cấp tỉnh.

Thương nghiệp quốc doanh thu mua sản phẩm của xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã:

- Đối với các xí nghiệp quốc doanh (xí nghiệp công nghiệp, nông trường quốc doanh...), thương nghiệp quốc doanh thu mua sản phẩm trên cơ sở kế hoạch Nhà nước theo giá bán buôn công nghiệp được xác định cho từng sản phẩm của xí nghiệp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giá bán buôn công nghiệp được tính trên cơ sở chi phí sản xuất, lãi định mức và thu quốc doanh. Tất cả các yếu tố xác định giá được Nhà nước quy định chặt chẽ. Căn cứ vào kế hoạch, thương nghiệp quốc doanh tổ chức phân phối vật tư, sản phẩm cho xí nghiệp, địa phương và bán lẻ cho người tiêu dùng. Xí nghiệp sản xuất và mậu dịch quốc doanh không phải nghiên cứu thị trường, không cần tiếp thị, quảng cáo. Sản phẩm sản xuất ra đã có địa chỉ tiêu thụ. Thương nghiệp quốc doanh nắm nguồn hàng tại từng đơn vị sản xuất. Thời kỳ này cung luôn thấp hơn cầu, do đó, vấn đề nâng cao chất lượng, hạ giá thành, đổi mới mẫu mã, bao bì ít được quan tâm. Việc giao nộp sản phẩm là trách nhiệm

của xí nghiệp quốc doanh, được ràng buộc bởi nhiều quy định chặt chẽ của Nhà nước về cân đối vật tư, tiền vốn, lao động, thưởng hoàn thành kế hoạch v.v.

- Đối với các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp quốc doanh thực hiện chế độ gia công sản xuất sản phẩm. Căn cứ vào kế hoạch được giao hàng năm (quý, tháng), thương nghiệp quốc doanh tiến hành đặt hàng sản xuất sản phẩm với hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở mẫu mã, số lượng, chất lượng định sẵn và số lượng vật tư được cân đối. Hợp tác xã được hưởng tiền công gia công sản phẩm. Sản phẩm được giao nộp toàn bộ cho thương nghiệp quốc doanh. Sản xuất của hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp phụ thuộc vào đơn đặt hàng, vật tư, tiền công từ phía mậu dịch quốc doanh. Chế độ độc quyền cung cấp nguyên, nhiên vật liệu, đặt hàng sản xuất và thu mua sản phẩm đối với các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp trong gia công sản phẩm đã làm nảy sinh tình trạng của quyền và tiêu cực từ phía thương nghiệp quốc doanh. Việc ép cấp, ép giá, gây khó khăn trong cung ứng các vật tư từ phía các đơn vị thương nghiệp đã làm cho hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất và đời sống của thợ thủ công.

- Đối với hợp tác xã nông nghiệp, thương nghiệp quốc doanh được ủy thác thu thuế bằng hiện vật cho các loại cây công nghiệp, cây ăn quả... ngoài ra còn thu mua thực phẩm và một số nông sản khác theo giá Nhà nước quy định. Từ những năm 1970, Nhà nước bắt đầu thực hiện chế độ thu mua theo hợp đồng hai chiều, thông qua trao đổi nông sản, thực phẩm lấy một số tư liệu sản xuất và hàng công nghiệp tiêu dùng. Việc thu mua mặt hàng thực phẩm và nhiều loại nông sản là nhiệm vụ quan trọng của thương nghiệp quốc doanh. Đồng thời cũng là nhiệm vụ chính trị của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, nông dân và hợp tác xã nông nghiệp.

#### 3.2.2. Hoạt động bán ra

Từ năm 1965, khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngành thương nghiệp chuyển sang phương thức hoạt động mới cho phù hợp với điều kiện thời chiến. Trong thời kỳ này, Đảng, Nhà nước có chính sách bán hàng cung cấp cho cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân về một số hàng hoá thiết yếu. Để đảm bảo những mặt hàng định lượng cho nhân dân, Nhà nước đã cấp phát tem phiếu, sổ, bì mua hàng hoá. Đối với cán bộ, công nhân viên, hàng năm được mua 5 mét vải, thịt, đường, nước mắm... theo tiêu chuẩn định lượng tem phiếu A, B, C, D, E... theo mức lương và lao động trực tiếp, gián tiếp. Nhân dân mỗi năm được mua 4 mét vải (đối với người lớn), 3 mét vải (đối với trẻ em) và một số mặt hàng khác theo khẩu của các hộ. Nhà nước dành 60% quỹ hàng hoá đưa về hợp tác xã mua bán để bán cho nhân dân nông thôn. Các loại hàng hoá này hầu như được bao cấp thông qua việc cung cấp vật tư, nguyên liệu hoặc bao cấp qua giá.

Thủy Nguyên lại là địa bàn sơ tán của nhiều cơ quan, xí nghiệp và gần 60.000 đồng bào nội thành. Vì vậy, nhu cầu về số lượng, cơ cấu vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân tăng đột xuất.

Ngành thương nghiệp Thủy Nguyên đã khắc phục khó khăn về vận chuyển, kho tàng, thiết bị... tổ chức tiếp nhận nhanh, không kể ngày đêm, hàng hóa do Trung ương và thành phố phân phối, nhất là các mặt hàng đặc biệt quan trọng như xăng, dầu, than, xi măng, hàng công nghệ phẩm. Năm 1967, thành phố Hải Phòng khởi công xây dựng xí nghiệp xăng dầu K131 trong lòng núi đá thôn Trại Sơn với sức chứa 24 triệu lít xăng dầu, nhập xuất theo đường thủy. Ngày 20-5-1970, công trình được đưa vào hoạt động, cung ứng xăng dầu cho sản xuất của miền Bắc và chi viện cho chiến trường miền Nam. Các mặt hàng công nghệ phẩm được đưa về các kho sơ tán và nhanh



chống phân phối theo kế hoạch, còn lại đưa về cho các hợp tác xã mua bán bảo quản. Công ty tổng hợp huyện tiếp nhận và dự trữ hàng hóa đủ phục vụ nhu cầu của huyện trong một thời gian nhất định.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta được các nước xã hội chủ nghĩa và các nước yêu chuộng hoà bình trên thế giới viện trợ, giúp đỡ rất nhiều vật tư, hàng hoá. Chính vì vậy, hàng hoá ở huyện Thủy Nguyễn khá phong phú. Hàng nội địa cũng như hàng ngoại rất nhiều và chất lượng cao. Vải ngoại pha sợi tổng hợp, đồ nhôm, xe đạp ngoại, đồ nhựa ngoại, tạp phẩm, đồ hộp (sữa bò, cá hộp, thịt hộp...). Bình quân hàng năm, nhân dân Thủy Nguyễn được Nhà nước cung ứng 100.000 mét vải may mặc sẵn; 710 ngàn bao diêm; 500 ngàn bát ăn cơm; 20 ngàn xấp xe đạp; 35 ngàn nón lá; 5.100 chăn bông, chăn sợi; 40 ngàn bánh xà phòng giặt; 4.700 nồi xoong nhôm; 150 ngàn kg đường...

Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được củng cố và phát triển mạnh, làm chủ được thị trường, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, chiến đấu và đời sống của nhân dân. Các cửa hàng của mậu dịch quốc doanh: công nghệ phẩm, thực phẩm, kim khí - hoá chất, vật liệu kiến thiết và hợp tác xã mua bán huyện, các xã đã tổ chức tốt việc thu mua, nắm nguồn hàng, phục vụ đến tận tay người tiêu dùng, làm tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Sau khi chiến tranh phá hoại lần thứ nhất tạm ngừng, những năm 1969 - 1971, ngành thương nghiệp trở lại hoạt động bình thường. Cùng với việc thu mua nông sản theo nghĩa vụ đối với Nhà nước, ngành nội thương đã thực hiện hợp đồng hai chiều. Ngành thương nghiệp huyện được phân cấp, thực hiện nhiệm vụ cung cấp tư liệu sản xuất, hàng hoá cho nông dân và thu mua thực phẩm, nông sản. Mức bán lợn thịt theo nghĩa vụ cho Nhà nước được giao cho các hợp tác xã nông nghiệp đảm nhiệm, căn cứ vào tỷ lệ cám thu hồi bằng 15%

số lương thực được cân đối trong kỳ kế hoạch và sản lượng lương thực, hoa màu khác được sản xuất từ 5% ruộng đất dành cho chăn nuôi. Thương nghiệp quốc doanh thu mua 100% lợn thịt của nông trường, trạm trại quốc doanh, 90% lợn thịt chăn nuôi theo kế hoạch của hợp tác xã nông nghiệp, 50% lợn thịt của các hộ gia đình nông dân, 50% số lợn thịt còn lại của các hộ nông dân được bán theo giá chỉ đạo; trong đó, 40% bán theo giá khuyến khích, phần còn lại nông dân được trao đổi theo giá thị trường.

Các sản phẩm như cói, mía, chè, lạc, đỗ rau, quả tươi... ngoài số lượng nộp thuế bằng hiện vật, thương nghiệp quốc doanh thu mua qua hợp đồng hai chiều từ 90-95%. Sản phẩm còn lại, trong đó 50% mua theo giá chỉ đạo và 50% mua theo giá khuyến khích. Đối với nông sản tăng vụ, sản xuất không tập trung, nông dân được bán theo giá thoả thuận. Giá chỉ đạo thu mua các loại thực phẩm, nông sản được Chính phủ quy định. Giá khuyến khích thu mua nông sản được tính bằng hai lần giá chỉ đạo, giá mua lợn thịt bằng 1,5 lần giá chỉ đạo. Giá bán lẻ hàng hoá, vật tư cũng theo hai giá: Giá bán mặt hàng cung cấp theo tem phiếu và giá bán theo giá kinh doanh.

Trước những năm 1980, ngành thương nghiệp của Thủy Nguyễn do thành phố quản lý, huyện chỉ là cấp quản lý hành chính, nhưng từ cuối năm 1980, các cửa hàng được phân cấp giao cho huyện quản lý. Các đơn vị lần lượt được thành lập: Công ty Thương nghiệp tổng hợp (10 - 1980), Công ty Cung ứng vật tư (1981), Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu (1982), Công ty Ăn uống Dịch vụ và Công ty Kinh doanh mua bán (1983).

Những năm 1980 - 1985, nền kinh tế nước ta trong tình trạng trì trệ, sa sút, khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, đời sống nhân dân, nhất là người làm công ăn lương, ngày càng khó khăn. Để giảm bớt khó khăn đó, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 218/CP, ngày 29-5-1981, về việc bán cung cấp các mặt hàng định lượng cho công nhân viên

chức, người ăn theo và lực lượng vũ trang. Hàng hoá được hình thành 3 loại giá: Giá cung cấp, giá bán lẻ (giá đảm bảo kinh doanh không lỗ) và giá kinh doanh thương nghiệp (sát giá thị trường). Ngành thương nghiệp phải đảm bảo cung cấp cho công nhân viên chức, người ăn theo và lực lượng vũ trang 9 mặt hàng định lượng: Thịt, đường, vải, mắm, xà phòng giặt, mì chính, cá, chất đốt và gạo, bảo đảm đủ về số lượng, đúng chất lượng, đồng thời cũng phải đáp ứng 6 mặt hàng không định lượng, theo giá bán lẻ. Các mặt hàng khác bán bình thường theo giá kinh doanh thương nghiệp ở các quầy hàng. Nhân dân nông thôn được Nhà nước bán một số mặt hàng theo giá bán lẻ chỉ đạo (còn gọi là giá đảm bảo kinh doanh) như dầu thấp sáng, muối ăn, vải mặc... Tuy nhiên, do những khó khăn của nền kinh tế và đời sống nhân dân tiếp tục sa sút, tháng 12 - 1983, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 5 (khoá V) đã xác định sự chậm chạp trong cải tạo xã hội chủ nghĩa là một trong những nguyên nhân của tình trạng khó khăn về kinh tế - xã hội và chủ trương phải đẩy mạnh hơn nữa việc cải tạo xã hội chủ nghĩa; Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền, xoá bỏ thị trường tự do về lương thực và các nông, hải sản quan trọng; thống nhất quản lý giá; bảo đảm cung cấp đủ 9 mặt hàng theo đúng định lượng cho người ăn lương. Thực hiện các chủ trương của Đảng và Chính phủ, trong những năm 1981- 1984, ngành thương nghiệp quốc doanh huyện Thủy Nguyễn đã tích cực khai thác nguồn hàng và cung cấp cho nhân dân, trung bình mỗi năm khoảng 900 đến 1.000 tấn muối ăn, 200 tấn dầu thấp sáng, 50 tấn giấy vở cho học sinh, 500 ngàn bát ăn cơm, 350 ngàn mét vải, từ 800 đến 1.000 chiếc xe đạp, 30 ngàn xấp xe đạp... Hàng hoá ngày càng phong phú với chất lượng ngày càng tốt hơn. Đời sống công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân lao động trong huyện tuy còn thiếu thốn nhưng đã được cải thiện. Gia đình nào cũng có màn, chăn bông, tiện nghi sinh hoạt khá hơn trước. Một số gia đình còn có máy thu hình, xe gắn máy...

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU của Thành uỷ về sắp xếp cải tạo tiểu thương, quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, móc ngoặc tuần hàng Nhà nước ra ngoài, mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán trên địa bàn huyện được mở rộng từ 40 điểm bán hàng năm 1980 lên 200 điểm năm 1985, thu hút một phần hộ buôn bán tư nhân vào kinh doanh dịch vụ, chịu sự điều hành của thương nghiệp huyện. Xã Thủy Đường, Thủy Sơn, trung tâm huyện, nơi có nhiều tiểu thương nhất, được giao làm thí điểm. Song, chủ trương sắp xếp cải tạo tiểu thương, quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, móc ngoặc tuần hàng Nhà nước ra ngoài không phù hợp với thực tế khách quan, không được quần chúng đồng tình nên thực hiện ít hiệu quả. Bung ra trong cơ chế nhiều giá, Nhà nước còn bao cấp một phần qua giá và lãi suất tín dụng càng làm cho tệ móc ngoặc, biển lận diễn ra nghiêm trọng hơn. Hạch toán thực chất là lãi giả lỗ thật.

#### 4. Thương mại thời kỳ đổi mới (1986 - 2014)

##### 4.1. Giai đoạn 1986 - 1996

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đề ra ba Chương trình kinh tế lớn: Lương thực - thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là mũi nhọn phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới; đồng thời chủ trương kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới, áp dụng những biện pháp kích thích sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, xoá bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường; lập lại trật tự kỷ cương; giữ ổn định chính trị, xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Công cuộc đổi mới được tiến hành sâu rộng. Nhà nước thay đổi hàng loạt chính sách và quy định liên quan đến quản lý thương nghiệp. Một mặt, Nhà nước ra sức củng cố thương nghiệp quốc doanh, mặt khác khuyến



khích các thành phần kinh tế khác tham gia hoạt động thương mại - dịch vụ. Tuy nhiên, vào cuối những năm 1980, tình hình trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, tác động xấu đến mọi mặt sản xuất kinh doanh, làm cho nền kinh tế nước ta tiếp tục khủng hoảng. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trì trệ, hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong ngành thương nghiệp gặp nhiều khó khăn. Các mặt hàng do Trung ương phân phối ngày càng khan hiếm, nguồn hàng chủ yếu do đơn vị tự khai thác theo giá thỏa thuận ngày một ít đi. Sau đợt đổi tiền năm 1985, giá cả leo thang, lạm phát với tốc độ phi mã làm cho thương nghiệp quốc doanh không có khả năng bảo toàn vốn. Vốn kinh doanh của các đơn vị thương mại bị thiếu trầm trọng, phần lớn phải vay ngân hàng với lãi suất quá cao, có thời gian lên tới 18%/tháng. Tổ chức bộ máy của các đơn vị thương nghiệp quá công kênh, lao động đông, số người biết kinh doanh ít. Phương thức kinh doanh chậm đổi mới, bán buôn tách rời khỏi bán lẻ, tình trạng tranh mua, tranh bán, mua bán lòng vòng, găm hàng chờ giá khá phổ biến. Thương nghiệp quốc doanh lâm vào tình trạng hết sức khó khăn, nhanh chóng mất vai trò chủ đạo và chi phối thị trường. Thương nghiệp ngoài quốc doanh, nhất là thương nghiệp tư nhân, với đặc điểm năng động, nhạy bén, quay vòng vốn nhanh, từng bước chiếm lĩnh thị trường xã hội.

Trong những năm 1986 - 1988, hoạt động thương nghiệp ở Thủy Nguyên chủ yếu vẫn dựa trên cơ sở kế hoạch thành phố giao. Mua và bán theo địa chỉ chỉ định, phân tự khai thác kinh doanh không đáng kể. Việc hạch toán chưa chặt chẽ, chưa thể hiện trách nhiệm của đơn vị quốc doanh trước người lao động và nghĩa vụ với Nhà nước. Hoạt động thương nghiệp chưa có nhiều đổi mới, chưa thoát khỏi cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Từ năm 1989, cơ chế bao cấp trong kinh doanh thương nghiệp của Thủy Nguyên từng bước được xóa bỏ. Các doanh nghiệp quốc

doanh trong ngành thương mại chuyển sang hạch toán kinh doanh. Đồng thời, các thành phần kinh tế được khuyến khích tham gia kinh doanh thương nghiệp. Thương nghiệp ngoài quốc doanh, đặc biệt thương nghiệp tư nhân phát triển nhanh. Hoạt động kinh doanh thương nghiệp ở hầu hết các địa phương trong huyện trở nên sôi động. Cửa hàng, cửa hiệu, chợ được mở mang, phát triển. Hàng hóa, vật tư, thiết bị ngày càng đa dạng, phong phú, chất lượng được nâng cao. Thái độ phục vụ được đổi mới, văn minh.

Từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, các đơn vị thương nghiệp quốc doanh bước vào thời kỳ cạnh tranh gay gắt với các đơn vị thương nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, không còn tình trạng ngồi chờ cấp trên đưa hàng xuống rồi phân phối gây phiền hà cho dân như trước đây, không còn cơ chế mua theo lệnh, bán theo lệnh, lỗ lãi đã có Nhà nước lo, không còn cảnh công nhân viên chức trong ngành thương nghiệp lợi dụng phân phối ăn chênh lệch giá. Nhiều công ty thương nghiệp-dịch vụ quốc doanh của huyện bị thua lỗ nặng, không còn khả năng thanh toán, không trụ được phải sắp xếp thu gọn lại. Hầu hết các hợp tác xã mua bán phải ngừng hoạt động hoặc giải thể vì thua lỗ. Toàn huyện chỉ có 2 công ty vượt kế hoạch, số còn lại đa phần phải bán tài sản để thanh toán nợ ngân hàng. Hợp tác xã mua bán của xã Mỹ Đông có truyền thống hoạt động tốt nhưng khi thực hiện cơ chế thị trường cũng gặp nhiều khó khăn. Hợp tác xã đã chủ động tháo gỡ, tranh thủ nguồn hàng kim khí, hàng gang của địa phương sản xuất đem đổi lưu với các tỉnh. Năm 1987, hợp tác xã đạt 9.715 ngàn đồng, quý I năm 1988 đạt 14,5 triệu đồng. Những năm 1989 -1990, hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả, nợ 2,3 triệu đồng, phải khoán quây lấy doanh thu để trả nợ, sau đó phải giải thể.

Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo, từng bước chấn chỉnh hoạt động kinh

doanh đối với các đơn vị thương nghiệp trong huyện. Các đơn vị tiến hành sắp xếp lại, đổi mới phương thức quản lý và kinh doanh. Năm 1991, huyện đã có những biện pháp cụ thể: Đình chỉ hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã mua bán, giải thể Trung tâm dịch vụ tổng hợp, hợp nhất Công ty kinh doanh vật liệu xây dựng với Công ty thương nghiệp tổng hợp, củng cố Công ty xuất khẩu; xây dựng chợ Núi Đèo. Trong khi đó, dịch vụ tư nhân và chợ nông thôn phát triển nhanh. Hàng hóa trên thị trường phong phú, thuận tiện mua bán. Giá cả từng bước ổn định, lạm phát được ngăn chặn. Kinh tế - xã hội của đất nước dần thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Bên cạnh những mặt tốt, cũng xuất hiện những mặt tiêu cực như làm hàng giả, buôn bán trốn lậu thuế và tình trạng thất thoát thuế diễn biến phức tạp. Các cơ quan chức năng tăng cường thanh tra, giám sát, đôn đốc chấp hành nguyên tắc, chế độ, hướng dẫn các đơn vị và hộ tư nhân kinh doanh theo pháp luật. Tuy vậy, tiêu cực vẫn còn nhiều.

Cùng với sự tăng trưởng của các ngành sản xuất nông, lâm, ngư, công nghiệp, ngành thương mại - dịch vụ tổng hợp phát triển với tốc độ nhanh hơn. Thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại cho phù hợp với cơ chế thị trường để kinh doanh có hiệu quả, chủ động tham gia điều tiết quan hệ cung cầu, góp phần ổn định giá cả, thúc đẩy sản xuất phát triển. Cùng với các trung tâm thương mại ở thị trấn, huyện lỵ, mạng lưới cửa hàng làm chức năng mua nông sản, bán hàng công nghệ phẩm, vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, chất đốt dần được hình thành, tạo thuận tiện cho việc mua bán của nhân dân. Các cửa hàng này thường gắn với các chợ ở nông thôn. Hoạt động thương mại của Thủy Nguyên thời kỳ này không những chú ý đến thị trường trong huyện, mà còn vươn ra thâm nhập thị trường thành phố và các địa phương, tích cực tìm kiếm thị trường để xuất khẩu nông, thủy hải sản và các hàng hóa khác.

Cùng với phát triển mạng lưới thương mại đến tận làng xã, các loại hình dịch vụ

tổng hợp tư nhân phát triển khá. Các tổ hợp và hộ gia đình tập trung vào buôn bán nhỏ, dịch vụ ăn uống, sửa chữa xe máy, dụng cụ gia đình... Năm 1995, ngoài 10 tổ hợp chuyên kinh doanh thương mại và làm dịch vụ tổng hợp, toàn huyện có tới 1.753 hộ làm nghề buôn bán và dịch vụ tổng hợp trên các lĩnh vực vận tải, xây dựng, sửa chữa máy móc, sản xuất đồ gỗ, hàng tiêu dùng thông thường, ăn uống, may mặc... thu hút trên 8.100 lao động.

Trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1995), nền kinh tế Thủy Nguyên đã có những chuyển biến tích cực. Thương mại - dịch vụ và các thành phần kinh tế khác được khuyến khích phát triển với mục tiêu làm tốt vai trò tăng khả năng lưu thông hàng hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo tích lũy cho nền kinh tế, từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Những chuyển biến khá toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế đã đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế huyện Thủy Nguyên ở mức bình quân 10,1%/năm.

#### 4.2. Giai đoạn 1996 - 2014

Những năm cuối của thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị về *tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa* (1996), Quyết định 311/QĐ-TTg, ngày 20-3-2003, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án *Tiếp tục tổ chức thị trường trong nước, tập trung phát triển thương mại nông thôn đến năm 2010*, ngành thương nghiệp huyện Thủy Nguyên đã có nhiều cố gắng vươn lên trong phục vụ đời sống nhân dân, làm động lực thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp phát triển, qua đó tạo cơ sở cho phát triển xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Hoạt động thương mại trên địa bàn huyện được đổi mới, sắp xếp phù hợp với cơ chế thị trường nên tiếp tục phát triển. Giá trị của ngành thương mại tăng liên tục: Năm 1998, đạt 59 tỷ đồng, năm 2005 đạt 120 tỷ đồng và chiếm 27% tổng



giá trị sản xuất của ngành dịch vụ. Tốc độ phát triển dịch vụ trên địa bàn huyện năm 2000 là 10,3% tăng lên 21,1% năm 2005, bình quân 5 năm (2000- 2005) đạt mức tăng 18,1%/năm. Bên cạnh các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, còn có lực lượng đông đảo là các hộ kinh doanh, dịch vụ cá thể, hộ gia đình hỗ trợ cùng nhau phát triển. Nhiều thương nhân đầu tư vốn lớn, liên doanh, liên kết, tổ chức bao tiêu sản phẩm, phục vụ xuất khẩu tiểu ngạch sang Trung Quốc và phục vụ các khu công nghiệp trong nước. Các chợ và số hộ kinh doanh, phương tiện vận tải phát triển nhanh. Đến năm 2005, toàn huyện đã xây dựng được 35 chợ và có trên 5.570 cơ sở kinh doanh thương mại. Lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường huyện ngày một phong phú, nhất là nhóm hàng nông sản thực phẩm, bảo đảm cho tiêu dùng nội địa và từng bước vươn ra thị trường quốc tế. Công tác kiểm tra, kiểm soát trong lĩnh vực thương nghiệp được tăng cường, góp phần đảm bảo trật tự, ổn định giá cả, chất lượng hàng hóa, hạn chế hoạt động gian lận thương mại.

Những năm 2005 - 2010, hoạt động dịch vụ trên địa bàn huyện Thủy Nguyên tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh, đa dạng. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ bình quân 5 năm 2005-2010 tăng 22,3%/năm. Nhằm thúc đẩy thương mại nông thôn ngày càng phát triển vững mạnh theo hướng văn minh, hiện đại, ngày 6-01-2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “*Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020*”. Theo đó, từ nay đến năm 2020, sẽ có khoảng 9.126 tỷ đồng đầu tư phát triển thương mại nông thôn với mục tiêu đến năm 2020, tất cả các xã đều có chợ đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới; hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp và xây mới các chợ; 80% số thị trấn có hình thức tổ chức phân phối quy mô nhỏ và vừa.

Những năm 2010 - 2015, huyện Thủy Nguyên tập trung quy hoạch các điểm, khu thương mại và sắp xếp lại các chợ truyền thống

ở nông thôn, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển. Chợ truyền thống được chú trọng xây dựng theo tiêu chí chợ văn minh, như niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết; có cân chuẩn để đảm bảo cân đúng, cân đủ cho người tiêu dùng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra, đơn vị quản lý còn kết hợp chặt với các ngành chức năng giải quyết nhiều vấn đề khác, như phòng chống cháy nổ, đảm bảo vệ sinh môi trường, chống kẻ gian, giữ an toàn cho người đi chợ. Ủy ban nhân dân huyện tập trung đẩy mạnh phát triển các chợ kinh doanh tổng hợp, hệ thống đại lý, cửa hàng thương nghiệp tại các trung tâm cụm xã, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã thương mại và hộ kinh doanh; từng bước phát triển chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại trong quá trình cải tạo mạng lưới chợ truyền thống ở nông thôn, thị trấn, thị tứ; nâng cấp, cải tạo, mở rộng hoặc xây mới các chợ tổng hợp bán buôn, bán lẻ ở các xã Quảng Thanh, Lưu Kiếm, Ngũ Lão, Minh Đức và trung tâm thương mại Núi Đèo. Xây dựng chợ đầu mối bán buôn nông sản quy mô lớn tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung của huyện. Ngoài hình thức kinh doanh tại chợ, hình thức kinh doanh tại gia khá phổ biến, nhất là ở thị trấn Núi Đèo, thị trấn Minh Đức và các gia đình ven đường giao thông 10A, 10B, đường 351... Kinh doanh phát triển, đáp ứng khá tốt nhu cầu của đời sống và sản xuất.

Ngay từ những ngày đầu giải phóng (13-5-1955), hoạt động thương mại nông thôn Thủy Nguyên đã góp phần rất lớn trong cung ứng lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng, xuất khẩu và làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Đặc biệt, những năm 1986 - 2014, thực hiện đường lối đổi mới, hoạt động thương mại và thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn huyện có nhiều biến đổi lớn về chất và phát triển vượt bậc về lượng. Ngành thương mại Thủy Nguyên đã đạt được thành tựu quan trọng:

- Xoá bỏ hoàn toàn cơ chế lưu thông cũ, chuyển sang cơ chế lưu thông mới, khắc phục

tình trạng “*ngăn sông, cấm chợ*”, hình thành thị trường thống nhất khá ổn định và thông suốt trong huyện. Từng bước tạo dựng môi trường kinh doanh thông thoáng. Hàng hoá được tự do lưu thông, thương nhân được tự do buôn bán theo pháp luật và các yêu cầu của thị trường. Tự do hoá thương mại, tự do hoá lưu thông đã làm cho hàng hoá giao lưu thông suốt giữa các địa phương trong huyện và cả nước, góp phần khai thác tiềm năng và thế mạnh của địa phương, doanh nghiệp. Thị trường nông thôn từng bước phát triển và mở rộng với sự đa dạng của loại hình thương nhân thuộc các thành phần kinh tế, đáp ứng đủ nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng trong huyện và tạo ra một nguồn hàng xuất khẩu ngày càng nhiều.

- Hàng hoá, dịch vụ phong phú, đa dạng về chủng loại, nâng cao về chất lượng, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong huyện, đồng thời xuất khẩu. Cơ cấu chủng loại hàng hoá có sự biến đổi theo hướng tiến bộ: Tỷ trọng hàng công nghiệp tăng, tỷ trọng hàng lương thực, thực phẩm giảm, tỷ trọng dịch vụ có xu hướng tăng dần lên.

- Mạng lưới kinh doanh thương mại, dịch vụ tiếp tục được mở rộng trên cả ba địa bàn: thành thị, nông thôn và miền núi, với sự tham gia của đông đảo các loại hình thương nhân thuộc các thành phần kinh tế, gắn sản xuất với tiêu thụ, gắn thị trường nội địa với thị trường quốc tế, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu và bảo đảm các nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong huyện. Tổ chức và phương thức kinh doanh, phương thức mua bán ngày càng đổi mới linh hoạt hơn.

- Kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại. Năm 1996, huyện Thủy Nguyên có 21 chợ lớn nhỏ, đến cuối năm 2005 tăng lên 56 chợ các loại (kể cả chợ cóc) trong đó có 4 chợ kiên cố và từ năm 2010 đến năm 2014, huyện tập trung xây dựng, cải tạo nâng cấp một số chợ đầu mối nông sản và chợ

chuyên doanh, chợ trung tâm cụm xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn, thực hiện tốt việc lưu thông hàng hóa, tăng quy mô bán lẻ trên địa bàn nông thôn, thành thị.

- Đa dạng hoá các thành phần kinh tế tham gia thị trường, khuyến khích sự phát triển của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

Những năm 1956-1985, doanh nghiệp Nhà nước đã từng bước vươn lên, thích ứng với cơ chế mới, hiệu quả kinh doanh được nâng cao, giữ được vai trò nòng cốt ở những mặt hàng trọng yếu, những khâu và lĩnh vực then chốt, chi phối 70 - 75% khâu bán buôn, chiếm 20 - 21% tổng mức lưu chuyển bán lẻ.

Những năm 1986 - 2014, dưới hình thức công ty, cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, thương mại tư nhân phát triển nhanh, chiếm gần 80% tổng mức bán lẻ, nhất là từ khi Nhà nước ban hành Luật Doanh nghiệp. Các doanh nghiệp, doanh nhân ngoài khu vực Nhà nước đã tạo ra khá nhiều việc làm và tăng thu nhập cho một bộ phận dân cư trong việc thực hiện chức năng tiêu thụ nông sản, cung ứng vật tư và hàng tiêu dùng phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân.

- Quản lý nhà nước về thương mại có sự đổi mới về nội dung và phương pháp quản lý, môi trường pháp lý cho lưu thông hàng hoá. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển kinh doanh, thiết lập trật tự, kỷ cương trên thị trường; kim chế hoạt động buôn lậu, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng và các hành vi gian lận thương mại khác. Bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, nâng cao hiệu quả kinh doanh thương mại và bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng.

Tuy nhiên, hoạt động thương mại - dịch vụ vẫn còn những hạn chế:

- Một trong những cản trở lớn đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của Thủy Nguyên trong nhiều năm qua là tính chất nhỏ lẻ, phân tán của sản xuất hàng hoá. Trên địa bàn, dù đã hình thành bốn



tiểu vùng kinh tế sinh thái tổng hợp để sản xuất hàng hoá tập trung, nhưng chúng chưa thể tạo ra được sự thay đổi căn bản về tính chất sản xuất của cả nền kinh tế huyện. Hiện nay, chỉ có các vùng chuyên canh lúa, chuyên canh rau, nuôi trồng và đánh bắt hải sản là tương đối ổn định, song lại ít về số lượng, nhỏ về quy mô. Các vùng cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm chủ yếu phát triển dựa trên cơ sở các vùng truyền thống, thiếu sự tác động tích cực của khoa học và công nghệ, trình độ cơ giới hoá thấp, và luôn gặp khó khăn về thị trường.

- Tính chất nhỏ lẻ cũng thể hiện rõ ở quy mô của các chủ thể sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Mặc dù các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh ngày càng được đa dạng hoá do tác động của chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, song số chủ thể là các hộ nông dân vẫn chiếm đa số. Các trang trại và doanh nghiệp dân doanh nông thôn phát triển khá nhanh trong những năm gần đây, được coi là động lực mới khác phục tính chất nhỏ lẻ và manh mún, nhưng số lượng còn ít và quy mô vẫn rất nhỏ. Trong khi đó, mối liên kết sản xuất, kinh doanh giữa các chủ thể chưa cho thấy dấu hiệu rõ rệt về sự hình thành các tập đoàn lớn trong sản xuất và kinh doanh nông, lâm, thủy sản.

- Đối với các ngành tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, xu hướng đi lên sản xuất quy mô lớn mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu. Việc hình thành các khu, các cụm công nghiệp là một hướng đi thích hợp, song phần lớn các khu, các cụm này thường gắn với các làng nghề sản xuất hàng tiểu, thủ công nghiệp, với các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ. Điều đáng quan tâm là công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp chế biến nông sản chưa phát triển, quy mô nhỏ bé, công nghệ lạc hậu. Vì vậy, tác động của công nghiệp đến nông nghiệp và kinh tế nông thôn còn yếu và không đồng bộ. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho sức cạnh tranh của hàng hoá nông sản còn thấp trên thị trường.

## II. DU LỊCH

### 1. Tài nguyên du lịch

#### 1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

##### 1.1.1. Vị trí địa lý

Thủy Nguyên có vị trí địa lý thuận lợi với tuyến quốc lộ 10 chạy qua, là cầu nối giữa Hải Phòng với tỉnh Quảng Ninh; đồng thời cũng thuận lợi cho giao thương và liên kết vùng trong phát triển du lịch với một số tỉnh thuộc khu vực đồng bằng, duyên hải Bắc Bộ, như Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình... với các địa điểm du lịch nổi tiếng như vịnh Hạ Long, Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh); Côn Sơn - Kiếp Bạc (tỉnh Hải Dương), Đền Trần, Phủ Giầy (tỉnh Nam Định); Khu tâm linh Tràng An, Bái Đính, Tam Cốc, Bích Động (tỉnh Ninh Bình)... Từ đặc điểm về vị trí địa lý đã đưa đến những ưu thế cho huyện trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển du lịch nói riêng; đồng thời đem lại những thuận lợi nhất định trong sự tiếp nhận, giao thoa, định hình và phát triển bản sắc văn hóa địa phương, một trong những tài nguyên du lịch quan trọng, có sức hấp dẫn và tạo nên tính đặc trưng của các sản phẩm du lịch.

##### 1.1.2. Địa hình

Địa hình Thủy Nguyên được chia 3 vùng rõ rệt: Vùng núi đá vôi ở phía Bắc, từ Trại Sơn - Doãn Lại đến Minh Tân - Minh Đức với diện tích 953 ha; vùng núi đất sa thạch trải dài từ An Sơn - Phù Ninh qua Kỳ Sơn - Chính Mỹ tới Thủy Đường - Ngũ Lão với diện tích 1.714 ha; vùng đồng bằng Đông Nam chạy từ Hợp Thành - Cao Nhân - Mỹ Đồng - Kiên Bái - Thiên Hương - Hoàng Động - Lâm Động - Hoa Động tới Tân Dương - Dương Quan - Tam Hưng - Phục Lễ - Phả Lễ - Lập Lễ. Vùng đồi núi chiếm khoảng 12% diện tích, phân bố chủ yếu ở phía Bắc huyện, độ cao trung bình 40 - 100m, có những đỉnh khá cao như Sơn Đào 146m. Các dãy núi đá vôi hình thái phức tạp, đỉnh sắc nhọn, dạng tai mèo, sườn dốc. Đa số các hang động được

hình thành từ phức hệ trầm tích Casto đá tập trung ở các dãy núi đá vôi này đã trở thành những danh lam thắng cảnh nổi tiếng như Tràng Kênh (Minh Đức), hang Vua (Minh Tân)...

Tiềm năng du lịch của các kiểu địa hình:

- *Địa hình núi đá vôi:* Tập trung tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc khu vực phía Bắc huyện (vùng kẹp giữa sông Đá Bạc, sông Bạch Đằng và hồ sông Giá). Khu vực này có nhiều núi đá vôi chạy dọc theo bờ Nam sông Đá Bạc, xen kẽ là những đồi đất sét, cánh đồng, làng xóm tạo cảnh quan thiên nhiên đẹp, được ví như một "Hạ Long cạn" của Hải Phòng. Đặc biệt có ý nghĩa du lịch là hệ thống các hang động, đồi núi có giá trị như:

+ Các hang động đã được xếp hạng di tích lịch sử kháng chiến, lịch sử - danh thắng: hang Lương (xã Gia Minh), hang Áng Vải, hang Vua (xã Minh Tân).

+ Các hang động là cơ sở cách mạng hoặc địa điểm gắn với các cuộc đấu tranh chống xâm lăng, bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của dân tộc: hang Tranh - núi Bồ Hồ (xã Liên Khê); hang Ma, hang Ốc, hang Vua-Thành ủy (xã Minh Tân); hang Tuần, hang Lược (xã Gia Minh).

+ Núi gắn với công cuộc chống ngoại xâm: Hoàng Tôn - động Thiên Tôn, Phượng Hoàng, U Bò (thị trấn Minh Đức)

+ Núi có cảnh quan thiên nhiên đẹp: núi Ao Non, núi Nỉ, núi Rồng, núi Cheo (Áng Giông), núi Áng Gối (thị trấn Minh Đức).

+ Đồi là địa điểm khảo cổ đã được khai quật hoặc đồi núi có di tích: đồi Diệu Tú (xã Liên Khê), núi Chùa Chôi (xã Lưu Kiếm).

- *Vùng núi đất sa thạch xen kẽ đồng bằng:* Gồm các xã thuộc vùng bờ Tây Nam của hồ sông Giá. Ở khu vực này có nhiều đồi núi thấp ven hồ. Đáng chú ý có một số ngọn đồi, núi có giá trị về cảnh quan, ý nghĩa lịch sử văn hóa: núi Phượng Hoàng, núi Rùa, núi Kỳ Lân (xã Chính Mỹ), núi Hương (xã Trung

Hà), đồi Trà Vàng (xã Kỳ Sơn), núi Một - Ngọc Khê (xã Phù Ninh).

Hai kiểu địa hình trên thích hợp phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch thể thao (leo núi, bơi thuyền), du lịch văn hóa (tham quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, địa điểm khảo cổ).

- *Vùng đồng bằng Đông Nam:* Đây là kiểu địa hình thích hợp với việc phát triển nông nghiệp, các vùng trồng trọt chuyên canh; hoạt động khai thác, nuôi trồng và dịch vụ thủy hải sản... thuận lợi cho phát triển du lịch ẩm thực, du lịch sinh thái, khảo cứu nông thôn, du lịch làng nghề.

#### 1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Thủy Nguyên là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa. Trong quá trình hình thành và phát triển, huyện còn lưu giữ một kho tàng di sản văn hóa vật thể, phi vật thể phong phú, đa dạng và độc đáo đã được tạo lập trong suốt quá trình hình thành, phát triển của địa phương. Đây là cơ sở để phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch đặc trưng mang thương hiệu, bản sắc riêng và có sức hấp dẫn khách du lịch cao.

##### 1.2.1. Hệ thống các di sản văn hóa vật thể

- *Hệ thống di chỉ khảo cổ học:*

Từ thời tiền sử và các vua Hùng dựng nước, huyện Thủy Nguyên là một trong những địa bàn cư trú của người Việt cổ, chủ yếu tập trung dọc chân núi, thung áng của các dãy núi Gia Đước, Liên Khê, Tràng Kênh, Đông Sơn, Chính Mỹ... Dưới lòng đất Thủy Nguyên hiện vẫn còn lưu giữ nhiều di chỉ khảo cổ có niên đại trải dài từ thời đại đồ đá mới, thời đại đồng thau đến thời kỳ Bắc thuộc, trong đó nhiều di chỉ đã được khai quật, tiêu biểu là:

+ Di chỉ khảo cổ Tràng Kênh (Thị trấn Minh Đức): Khai quật những năm 1960-1970, di chỉ bao gồm nhiều hiện vật đồ đá, gốm được xác định có niên đại cách đây 3.405±100 năm.



+ Di chỉ khảo cổ Việt Khê (Làng Ngọc Khê, xã Phù Ninh): Khai quật những năm 1960-1962, di chỉ bao gồm nhiều hiện vật đồ đồng, được xác định thuộc nền văn hóa Đông Sơn có niên đại cách đây 2.414±100 năm.

+ Di chỉ mộ cổ Dục Liễn (tại chân núi Đầu Voi, thôn 5-6, xã Thủy Sơn): Khai quật năm 2001, được nhận định là khu mộ của cư dân văn hóa Đông Sơn có niên đại cách đây 2.400±100 năm.

+ Di chỉ mộ cổ đồi Trà Vàng (xã Kỳ Sơn): Được nhận định là khu mộ cổ mang phong cách Hán, có niên đại khoảng thế kỷ II - III (thời kỳ Bắc thuộc), cách đây 1.800±100 năm.

+ Di chỉ khảo cổ xã Liên Khê gồm 2 địa điểm: Di chỉ mộ cổ đồi thông Điệu Tú, trong đó có nhiều hiện vật bằng đất nung, có niên đại khoảng thế kỷ II - III (thời kỳ Bắc thuộc), cách đây 1.800 - 100 năm. Di chỉ mộ cổ núi Thành Dền, khai quật năm 2010, được nhận định là mộ cổ có niên đại khoảng thế kỷ II - III (thời kỳ Bắc thuộc), cách đây 1.800 - 100 năm.

- *Hệ thống các di tích có giá trị về văn hóa, lịch sử, kiến trúc nghệ thuật:*

Tính hết năm 2013, toàn huyện có 347 di tích thuộc các loại hình kiến trúc nghệ thuật, văn hóa, lịch sử kháng chiến, khảo cổ, tôn giáo tín ngưỡng... (không tính số lượng các từ đường dòng họ chưa được xếp hạng). Diện tích đất của các di tích văn hóa, lịch sử, danh thắng và tôn giáo tín ngưỡng của huyện là 67,36 ha (chiếm 0,28% tổng diện tích đất tự nhiên - số liệu năm 2010). Trung bình có từ 8-10 di tích/đơn vị xã, thị trấn. Một số xã, thị trấn tập trung nhiều di tích như Thủy Sơn (23 di tích), Chính Mỹ (22 di tích), Minh Đức (21 di tích), Lại Xuân (20 di tích)... Hệ thống di tích này khá phong phú và đa dạng, bao gồm nhiều loại hình phản ánh nhu cầu sinh hoạt tôn giáo và tín ngưỡng của nhân dân.

Phân loại theo loại hình, hệ thống di tích huyện Thủy Nguyên gồm 100 ngôi chùa, 58 ngôi đình, 33 ngôi đền, 121 ngôi miếu và 35 di tích khác (bao gồm các địa điểm khảo cổ đã

được khai quật, đình, chùa, phủ đường, từ đường đã được xếp hạng...). Trong đó, có 71 di tích, cụm di tích thuộc 34 xã, thị trấn đã được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa, lịch sử kháng chiến và di tích lịch sử danh thắng (23 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia, 48 di tích được xếp hạng cấp thành phố) và là huyện có số lượng di tích đã được xếp hạng nhiều nhất của thành phố Hải Phòng.

Bên cạnh các giá trị về tôn giáo tín ngưỡng, các di tích còn được xem là những tượng đài biểu trưng cho truyền thống yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm của mảnh đất Thủy Nguyên, tiêu biểu như đền Thụ Khê - chùa Thiểm Khê - chùa Mai Động (xã Liên Khê), chùa Chôi (xã Lưu Kiếm), đình Chung Mỹ (xã Trung Hà), đền Phò Mã (thị trấn Núi Đèo)... Nhiều di tích có giá trị về mặt kiến trúc, văn hóa, lịch sử: đình Kiên Bái (xã Kiên Bái), chùa Mỹ Cự (xã Chính Mỹ), đình Tân Dương (xã Tân Dương), chùa Sùng Nguyên (xã Lâm Động)... Một số di tích hội tụ được nhiều điều kiện về cảnh quan, không gian, kiến trúc, có giá trị phát triển du lịch: đền Trần Quốc Bảo, cụm di tích đền Ngô vương Quyền, Lê Đại Hành, Trần Hưng Đạo - chùa Tràng Kênh Trúc Lâm (thị trấn Minh Đức), chùa - động Hang Lương (xã Gia Minh), chùa Linh Sơn (xã Phù Ninh)...

Có thể nói rằng, Thủy Nguyên là nơi có lịch sử vinh quang ngàn năm, một vùng đất hội tụ đầy đủ khí thiêng sông núi, và một cư dân anh dũng, sáng tạo và rất cởi mở, dễ hoà hợp với bè bạn bốn phương. Những người dân từ nhiều miền quê đến sinh sống tại vùng đất cửa biển này đã hình thành nên tính cách kiên nghị, năng động, sáng tạo trong lao động, luôn nhạy bén với cái mới, làm cho người Thủy Nguyên sớm tiếp thu được những tinh hoa của thời đại trước biến thiên của lịch sử. Mỗi ngọn núi, từng khúc sông, mỗi công trình, từng tác đất ở Thủy Nguyên như: núi Thiểm Khê, núi Từ Thụ, núi Hoàng Phái (Hoàng Tôn), núi U Bò, núi Trại Sơn, sông Bạch Đằng, sông Giá, cù lao Hai Sông, đình

Kiên Bái, tháp chùa Lâm Động, chùa Phù Lưu, chùa Mỹ Cự, chùa Hàm Long, đền Trần Quốc Bảo, đền Thụ Khê... đều được coi là những di sản văn hoá cổ của dân tộc, vì ở đó còn bảo lưu tầng tầng lớp lớp những dấu tích vật chất, những phong tục tập quán lâu đời về tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm của các thế hệ người Thủy Nguyên.

### 1.2.2. Hệ thống di sản văn hóa phi vật thể

Các thế hệ người Thủy Nguyên đã xây dựng nên một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc, được thể hiện thông qua nhiều phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất; các tri thức, kiến thức dân gian; trang phục; ẩm thực; các truyền thuyết, ca dao, tục ngữ. Đặc biệt là hệ thống các lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian, làng nghề thủ công truyền thống... mang đậm bản sắc địa phương, là một trong những điều kiện quan trọng cho việc hình thành các sản phẩm du lịch, văn hóa mang tính đặc thù.

#### - Các lễ hội truyền thống:

Theo thống kê, toàn huyện có 155 lễ hội được tổ chức định kỳ hàng năm, trải khắp địa bàn làng xã. Mỗi địa phương đều có lễ hội truyền thống riêng. Lễ hội ở Thủy Nguyên có sự đa dạng về loại hình, bao gồm các lễ hội dân gian, lịch sử, văn hóa thể thao, tôn giáo.

+ Lễ hội dân gian: 95 lễ hội (chiếm 61,3%), đây còn gọi là các ngày lễ làng, lễ đại kỳ phúc... chủ yếu để tôn vinh, tưởng nhớ những vị thần, thánh trong dân gian, các nhân vật có công với cộng đồng. Tiêu biểu là lễ hội đền Trần Quốc Bảo (thị trấn Minh Đức), lễ hội đình Tân Dương (xã Tân Dương), lễ hội đền chợ Giá (xã Kênh Giang)...

+ Lễ hội lịch sử: 2 lễ hội (chiếm 1,3%), tôn vinh các danh nhân lịch sử, bao gồm lễ hội đền Thụ Khê (xã Liên Khê); lễ giỗ Trạng nguyên Lê Ích Mộc (xã Quảng Thanh).

+ Lễ hội văn hóa thể thao: 5 lễ hội (chiếm 3,2%), có sự kết hợp giữa hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống và hiện đại nhằm góp phần quảng bá văn hóa vùng miền.

Tiêu biểu là lễ hội Xuân tại 5 xã Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ, Tam Hưng, Ngũ Lão.

+ Lễ hội tôn giáo: 53 lễ hội (chiếm 34,2%), chủ yếu là lễ Thượng nguyên, được kết hợp tổ chức với nhiều hoạt động văn hóa, thể thao trở thành ngày hội truyền thống tại các di tích Phật giáo. Tiêu biểu là lễ Thượng nguyên chùa Phù Lưu (xã Phù Ninh), chùa Sùng Nguyên (xã Lâm Động), lễ hội chùa Mỹ Cự (xã Chính Mỹ), lễ hội chùa Câu Tử Ngoại (xã Hợp Thành)...

Thời gian, không gian lễ hội chủ yếu tập trung vào mùa xuân, diễn ra trong 2 - 3 ngày, tạo thành chuỗi các sự kiện văn hóa trong dịp đầu năm; là điều kiện thuận lợi cho việc tập trung thu hút du khách và xây dựng các tour, tuyến du lịch lễ hội:

Lễ hội tháng Giêng: 83 lễ hội (chiếm 53,5%); Lễ hội tháng Hai: 19 lễ hội (chiếm 12,3%); Lễ hội tháng Ba: 27 lễ hội (chiếm 17,4%); Lễ hội tháng Tư: 2 lễ hội (chiếm 1,3%); Lễ hội tháng Tám: 3 lễ hội (chiếm 1,9%); Lễ hội tháng Mười một: 10 lễ hội (chiếm 6,5%); Lễ hội tháng Mười hai: 11 lễ hội (chiếm 7,1%).

#### - Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian:

Nghệ thuật trình diễn dân gian Thủy Nguyên mang đậm bản sắc của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ với nhiều loại hình phong phú như hát chèo, chầu văn... Tiêu biểu nhất là hát Đúm tại các xã Lập Lễ, Phả Lễ, Phục Lễ, Tam Hưng, Ngũ Lão và ca Trù (tại làng Đông Môn, xã Hòa Bình). Toàn huyện, hiện có 5 mô hình câu lạc bộ của các loại hình: Câu lạc bộ hát Đúm các xã Phả Lễ, xã Phục Lễ, xã Lập Lễ; câu lạc bộ văn hóa văn nghệ dân gian có nội dung hát Đúm xã Ngũ Lão; câu lạc bộ ca Trù Đông Môn (xã Hòa Bình) với gần 100 thành viên có khả năng trình diễn tốt hai loại hình, trong đó 35 người có khả năng truyền dạy.

#### - Các làng nghề thủ công truyền thống:

Với vị trí địa lý tương đối thuận lợi, Thủy Nguyên đã sớm tiếp nhận và phát triển nhiều nghề thủ công truyền thống có giá trị. Tiêu biểu là làng nghề gốm Dương Động



(xã Minh Tân); làng đúc gang Phương Mỹ, làng rèn Đồng Lý (xã Mỹ Đông); nghề dệt tơ tằm ở xã Lâm Động, Hoa Động; nghề mộc (xã Thủy Triều); nghề đánh cá ở xã Lập Lễ, Phả Lễ, Tam Hưng, An Lư... Qua thời gian, tuy một số làng nghề đã dần bị mai một nhưng nhiều làng nghề truyền thống vẫn tiếp tục được giữ gìn và khẳng định được giá trị:

- + Làng nghề mây tre đan (xã Chính Mỹ)
- + Nghề mộc (xã Thủy Triều)
- + Nghề đúc (xã Mỹ Đông)
- + Nghề trồng và chế biến cau xuất khẩu (xã Cao Nhân)
- + Nghề gốm Dương Động (xã Minh Tân)

Cùng đó, một số làng nghề truyền thống nổi tiếng, như nghề làm bún, nấu rượu (xã Thiên Hương), nghề làm hương (xã Kiên Bái), nghề làm mắm dóc, mắm chắt (xã Lập Lễ).

Tuy nhiên các làng nghề chủ yếu sản xuất phục vụ công nghiệp hoặc nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương; mẫu mã và chất lượng sản phẩm không cao, thiếu tính đa dạng và đặc thù nên chưa thu hút được khách du lịch.

*- Các trò chơi dân gian truyền thống:*

Các trò chơi dân gian truyền thống còn được giữ gìn và bảo lưu chủ yếu trong các lễ hội, tiêu biểu:

- + *Cờ tướng, cờ người:* Tại các lễ hội đình, chùa xã Chính Mỹ; đình, chùa làng Câu Tử Ngoại, Câu Tử Nội (xã Hợp Thành); đình Thượng, chùa Hàm Long (thị trấn Núi Đèo); đình Bắc, chùa Lốt, lễ giỗ Trạng nguyên Lê Ích Mộc (xã Quảng Thanh); chùa Trại Kênh, đền Nghè Mỹ Giang, đình Trà Sơn (xã Kênh Giang); đền Trần Quốc Bảo (thị trấn Minh Đức); các lễ hội chùa xã Gia Đức, xã An Sơn, chùa Phù Lưu (xã Phù Ninh), chùa An Lạc (xã Hoàng Động); đình Dục Liễn (xã Thủy Sơn), đình Thiên Đông (xã Đông Sơn), đình Tân Dương (xã Tân Dương), đình Nhân Lý (xã Cao Nhân); lễ hội làng Khuông Lư, Trung Sơn, My Sơn (xã Ngũ Lão), làng Hà Luận (xã Hòa Bình); hội xuân xã Phục Lễ, Phả Lễ.

- + *Kéo co:* Tại lễ hội đình Kênh, chùa Mỹ Cụ (xã Chính Mỹ); đền Trần Quốc Bảo (thị trấn Minh Đức); đình Dục Liễn (xã Thủy Sơn); các lễ hội chùa xã Gia Đức, chùa Mai Động, chùa Thiểm Khê (xã Liên Khê); lễ hội làng Khuông Lư (xã Ngũ Lão); lễ khánh hạ Đức Ông chùa Ruối (xã Quảng Thanh); hội xuân xã Tam Hưng, Đông Sơn, Hợp Thành.

- + *Chọi gà:* Tại lễ hội đình Tân Dương (xã Tân Dương), đình Niêm Sơn Nội (xã Kỳ Sơn); chùa Linh Quang, Kim Liên (xã An Sơn), chùa Thiên Phúc (xã Trung Hà); miếu Phương Mỹ (xã Mỹ Đông); đình, chùa các xã Chính Mỹ, Gia Đức, Kênh Giang, Phù Ninh, Cao Nhân, Hợp Thành, Quảng Thanh; lễ hội làng Khuông Lư, Trung Sơn, My Sơn (xã Ngũ Lão).

- + *Đánh đu:* Mùa xuân về, nhân Tết Nguyên đán và lễ hội chùa, các địa phương đều tổ chức đánh đu như: lễ hội chùa Linh Quang (xã An Sơn), chùa Thiểm Khê (xã Liên Khê), chùa Lốt (xã Quảng Thanh), chùa Mỹ Cụ (xã Chính Mỹ); đình Trại Kênh, đình Trà Sơn (xã Kênh Giang); chùa My Sơn, lễ hội làng Khuông Lư (xã Ngũ Lão); đình, chùa làng Câu Tử Nội, Câu Tử Ngoại (xã Hợp Thành); hội xuân các xã Phục Lễ, An Lư, Hòa Bình, Cao Nhân, Phả Lễ...

- + *Đi cầu Tùm (Thùm):* Tại lễ hội chùa Lôi Động (xã Hoàng Động), chùa Mỹ Cụ (xã Chính Mỹ); đình, chùa làng Câu Tử Ngoại (xã Hợp Thành), miếu Phương Mỹ (xã Mỹ Đông); lễ khánh hạ Đức Ông chùa Ruối (xã Quảng Thanh).

- + *Vật:* Tại lễ hội đình Trại Kênh, đền Nghè Mỹ Giang, đình Trà Sơn (xã Kênh Giang); đình Kinh Triều (xã Thủy Triều), đình Chung Mỹ (xã Trung Hà); lễ hội làng Đông Phương, làng Hà Luận (xã Hòa Bình), lễ hội xã Phả Lễ.

- + *Bơi chải:* Tại hội đình Tân Dương (xã Tân Dương); chùa Lôi Động (xã Hoàng Động).

- + *Tổ tôm điểm:* Tại lễ hội đình Tân Dương (xã Tân Dương); hội xuân xã Phục Lễ.

- + *Bịt mắt bắt dê:* Tại lễ hội đình Trại Kênh (xã Kênh Giang), chùa Mỹ Cụ (xã Chính Mỹ); các lễ hội xã Hợp Thành.

- + *Bắt vịt dưới hồ:* Tại lễ hội đình, chùa làng Câu Tử Ngoại (xã Hợp Thành).

- + *Đập niêu:* Tại lễ hội chùa Phù Lưu (xã Phù Ninh), chùa Lôi Động (xã Hoàng Động), chùa Mỹ Cụ (xã Chính Mỹ).

- + *Múa lân-sư-rồng:* Tại hội đình Hòa Lạc (xã Lâm Động), chùa Mỹ Cụ (xã Chính Mỹ).

*- Hệ thống các chợ quê*

Xưa, Thủy Nguyên là một trong những trung tâm buôn bán sầm uất, giao thương với nước ngoài và các địa phương trong nước. Hệ thống chợ quê truyền thống còn được duy trì đến nay. Tiêu biểu: Chợ Mỹ Giang (chợ Giá), chợ Tổng (Lưu Kiếm), chợ Phục (Phục Lễ), chợ Triều (Mỹ Sơn), chợ Trịnh (Thiên Hương), chợ Sưa (An Lư), chợ Si (Cao Nhân), chợ Thanh Lãng (Quảng Thanh)... Hệ thống các chợ quê có từ lâu đời, trong đó một số chợ còn lưu hành phương thức giao thương kiểu chợ phiên cũng là một trong những nét đặc trưng văn hóa, có sức hấp dẫn đối với khách du lịch.

Ẩm thực và đặc sản địa phương cũng là tài nguyên du lịch nhân văn rất quan trọng. Các món ăn đặc sản của Thủy Nguyên như bánh chưng ở Thủy Đường, bún cuốn nhân tôm ở các xã, bún làng Trịnh (Trịnh Xá), canh Hà (Lập Lễ), bưởi Lâm Động, gà rang muối (Tân Dương) v.v.. Tất cả những yếu tố trên đã và sẽ làm cho Thủy Nguyên trở thành một địa danh du lịch nổi tiếng.

**1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch**

Trước những năm 2000, hoạt động du lịch ở Thủy Nguyên còn mang tính tự phát, quy mô tổ chức du lịch còn nhỏ. Việc quản

lý, khai thác chưa hợp lý đối với các điểm di tích. Những di tích lịch sử, di tích văn hóa chưa được xếp hạng do xã, thôn quản lý nên thiếu kinh phí cho các hoạt động du lịch. Cơ sở vật chất về thể thao, văn hóa, văn nghệ, trung tâm thương mại và khu vực vui chơi giải trí còn quá ít và đơn giản. Không gian hoạt động còn hẹp đã hạn chế khả năng khai thác vốn văn hóa văn nghệ dân gian để phục vụ du lịch. Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: nơi vui chơi giải trí, khách sạn - nhà nghỉ, dịch vụ nhà hàng, hệ thống các điểm biểu diễn văn nghệ, hệ thống các khu thương mại, y tế... hầu như chưa có gì.

Từ năm 2005, nhận thức được vai trò quan trọng của du lịch trong phát triển kinh tế xã hội, Thủy Nguyên tập trung đầu tư phát



*Du lịch trên sông Giá*

triển kết cấu hạ tầng gắn với quy hoạch phát triển ngành du lịch thành phố và các quy hoạch du lịch của huyện theo định hướng chung là: đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm du lịch như du lịch trên sông, thăm quan di tích lịch sử - văn hóa, các hang động thiên nhiên; du lịch nghỉ dưỡng, nghỉ cuối tuần, du lịch giải trí thể thao; du lịch lễ hội, tín ngưỡng... theo các cụm du lịch văn hóa - thể thao và sinh thái, gồm: hai bên bờ sông Giá, hang Vua, hang Lương, đền thờ Trần Quốc Bảo; cụm đầm



Trịnh Xá (Tân Quang Minh); cụm Tây Bắc huyện (đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc, chùa Mỹ Cự); khu du lịch sinh thái đảo Vũ Yên... và tạo cơ chế thông thoáng, để thu hút đầu tư vào du lịch hoặc tôn tạo, bảo tồn các di sản văn hóa.

Thủy Nguyên chú trọng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa; khôi phục và giữ gìn các lễ hội văn hóa truyền thống; đẩy mạnh công tác nghiên cứu xây dựng các tour, tuyến du lịch trên cơ sở xác định rõ loại hình và sản phẩm du lịch tối ưu dựa trên nguồn tài nguyên du lịch của huyện, theo đó ưu tiên hợp lý cho phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, lễ hội. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và nhân lực phục vụ du lịch, như đầu tư xây dựng trung tâm thương mại giai đoạn 2; hoàn thành dự án xây dựng resort giai đoạn 1 và 2; tu bổ đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc giai đoạn 2, đền thờ Trần Quốc Bảo; du thuyền trên sông Giá; xây dựng các tuyến đường dọc 2 bờ sông Giá, bến xe núi Đèo, Minh Đức; xây dựng bến du lịch tàu thuyền ở Sáu Phiến, cống Đông Xuân, dự án sinh thái ở đảo Vũ Yên...

Trên cơ sở những tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú, Thủy Nguyên còn rất gần với các trung tâm du lịch lớn của cả nước như Đồ Sơn, Cát Bà, Hạ Long... Để phát huy hiệu quả các tiềm năng du lịch của mình, Thủy Nguyên cần phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch thành phố Hải Phòng và các công ty du lịch lớn trong và ngoài thành phố nghiên cứu xây dựng một số tour, tuyến du lịch trên cơ sở kết hợp khai thác tối đa nguồn tiềm năng du lịch của huyện với khai thác các điểm đến hấp dẫn khác của Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận (Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội). Đặc biệt là khai thác tốt các tuyến du lịch cơ bản:

- Các tuyến, tour du lịch được xuất phát từ nội thành Hải Phòng với hành trình qua các xã Lâm Động (thăm chùa Lâm Động, tháp Cửu Phẩm, vườn bưởi Lâm Động); thị trấn

Minh Đức thăm quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh với đền và lăng mộ Trần Quốc Bảo - Từ chỉ Tràng Kênh - khu đền thờ đức vua Lê Đại Hành, Ngô Quyền và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn - đền Áng Hồ; xã Chính Mỹ thăm chùa Mỹ Cự, ngôi chùa cổ kính nhất của huyện Thủy Nguyên với niên đại từ thế kỷ thứ X - đình Kiên Bái, ngôi đình cổ kính nhất của thành phố Hải Phòng, nơi còn bảo lưu nhiều nét kiến trúc và nghệ thuật đặc sắc từ thời khởi dựng.

- Tuyến du lịch “Về thăm quê Trạng” và tìm hiểu truyền thống khoa bảng của Hải Phòng: Có 3 điểm chính để đưa vào khai thác bao gồm khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (huyện Vĩnh Bảo); đền thờ Trạng nguyên Trần Tất Văn (thôn Nguyệt Áng, xã Thái Sơn, huyện An Lão) và khu di tích tưởng niệm Trạng nguyên Lê Ích Mộc (xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên).

- Xây dựng các chương trình du lịch giới thiệu sản phẩm truyền thống của làng nghề, khai thác và phát huy có hiệu quả các sản phẩm du lịch nhân văn, các di tích lịch sử - văn hóa, nghệ thuật diễn xướng dân gian:

+ Làng cau Cao Nhân và làng bưởi Lâm Động, đây là 2 làng nghề có vị trí chiến lược trong việc xây dựng và hình thành các tour du lịch du khảo đồng quê, khách du lịch vừa tham quan vừa có thể thưởng thức các sản vật quê hương.

+ Làng nghề đúc Mỹ Đông và làng gốm sứ Minh Tân.

+ Một số điểm di tích, lễ hội tiêu biểu.

- Dân cư và nguồn lao động

Tính đến năm 2011, dân số Thủy Nguyên là 311.510 người; năm 2014 là 324.569 người; trong đó dân số nam là 154.762 người (chiếm 49,6%), dân số nữ là 156.748 người (chiếm 50,4%); dân số khu vực nông thôn là 295.400 người (chiếm 94,8%), khu vực thị trấn là 16.110 người (chiếm 5,2%) dân số toàn huyện. Dân số trong độ tuổi lao động (nam từ 15-59 tuổi, nữ từ 15-54 tuổi) là

213.613 người (chiếm 68,5%) dân số toàn huyện; trong đó dân số nam trong độ tuổi lao động là 109.307 người (chiếm 51,2%), dân số nữ trong độ tuổi lao động là 104.306 người (chiếm 48,8%). Dân số đông, nguồn lao động dồi dào cũng là một trong những ưu thế cho phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển du lịch nói riêng.

## 2. Hoạt động kinh doanh du lịch

### 2.1. Công tác quy hoạch, đầu tư

#### 2.1.1. Công tác đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch

Thủy Nguyên đã hình thành hệ thống giao thông tương đối đồng bộ, hiện đại với nhiều tuyến huyết mạch quan trọng của thành phố và khu vực. Tiêu biểu là quốc lộ 10, tỉnh lộ 351, 352 tạo thuận lợi cho giao thông nội huyện và với các tỉnh, thành trong khu vực, đáp ứng nhu cầu giao thương, đi lại của nhân dân, du khách. Bên cạnh đó, việc triển khai tuyến đường liên tỉnh từ huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) đi huyện Kinh Môn (Hải Dương) nối tỉnh lộ 352 qua địa bàn các xã Quảng Thanh, Phù Ninh, An Sơn (Thủy Nguyên) với thị trấn An Lưu (huyện Kinh Môn, Hải Dương) đã đóng góp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh của các huyện Thủy Nguyên, Kinh Môn nói riêng; của hai địa phương Hải Phòng, Hải Dương và cả vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc nói chung, đặc biệt là trong phát triển du lịch. Để tạo điểm nhấn cho cảnh quan đô thị huyện, góp phần phục vụ công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch, Thủy Nguyên đã đầu tư xây dựng những công trình văn hóa tiêu biểu như Công viên 25/10; cổng chào cầu Kiên; lắp đặt hệ thống ánh sáng trang trí trên các trục đường chính tại trung tâm huyện...

#### 2.1.2. Công tác triển khai các dự án du lịch

Việc phát triển cơ sở hạ tầng là động lực quan trọng thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch tại huyện:

- Sân golf, khách sạn tiêu chuẩn 5 sao, câu lạc bộ cho khách chơi golf. Đây là dự án 100% vốn nước ngoài do Công ty TNHH Mibaek - Tập đoàn Mibaek (Hàn Quốc) làm chủ đầu tư với tổng số vốn là 582 triệu USD; trong đó, giai đoạn I: 27,3 triệu USD, giai đoạn II: 555 triệu USD. Năm 2014, dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn I và tiếp tục hoàn thiện giai đoạn II.

- Khu vui chơi giải trí - thể thao văn hóa - du lịch sinh thái Tân Quang Minh với tổng diện tích 151,24 ha (tuy nhiên, tiến độ thực hiện Dự án còn chậm do gặp khó khăn về vốn).

### 2.2. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch

Kết quả bước đầu của công tác bảo tồn, phát huy, phát triển giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch:

- Toàn huyện đã có 149 di tích, cụm di tích được tu bổ tôn tạo hoặc chống xuống cấp ở quy mô vừa và lớn. Trong đó, có một số di tích, cụm di tích được quy hoạch, trùng tu, tôn tạo theo hướng trở thành những công trình văn hóa, kiến trúc có giá trị, phục vụ phát triển du lịch: đình Kiên Bái (xã Kiên Bái), Di tích lịch sử danh thắng Tràng Kênh - Bạch Đằng (thị trấn Minh Đức), Khu di tích lưu niệm Trạng nguyên Lê Ích Mộc (xã Quảng Thanh), chùa Hang Lương (xã Gia Minh), hồ 108 (xã Lâm Động), đình Tả Quan (xã Dương Quan), đền chợ Giá - đền Nghè (xã Kênh Giang), chùa Linh Sơn - Ngọc Khê (xã Phù Ninh), chùa Thiên Phúc - Hà Tây (xã Trung Hà)...

- Các lễ hội tổ chức định kỳ chủ yếu từ nguồn xã hội hóa. Một số lễ hội có quy mô lớn và sức lan tỏa: lễ hội truyền thống Tràng Kênh - Bạch Đằng (thị trấn Minh Đức), lễ hội chùa Mỹ Cự (xã Chính Mỹ)... đã góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa địa phương, bước đầu tạo sức hút đối với khách tham quan.



- Các làng nghề truyền thống được hỗ trợ, tạo điều kiện đổi mới phương thức sản xuất, nghiên cứu mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa sản phẩm; qua đó đã góp phần quan trọng vào việc giữ gìn và phát huy làng nghề trở thành nguồn nội lực quan trọng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới tại các địa phương và phục vụ phát triển du lịch: Làng cau xã Cao Nhân, bưởi xã Lâm Động, gỏi Dương Động (xã Minh Tân)...

- Các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian được đầu tư bảo tồn và phát huy. Các địa phương có di sản đều tổ chức tốt các lễ hội gắn với loại hình di sản (hội xuân hát Đúm; Lễ giỗ Tổ Ca công – Tổ nghề ca Trù Đông Môn (xã Hòa Bình)... đã tạo được sức lan tỏa, góp phần thu hút du khách đến thưởng thức.

### 2.3. Công tác xúc tiến - quảng bá du lịch

#### 2.3.1. Về hợp tác, xúc tiến du lịch

Năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch xây dựng và đưa vào khai thác tour du lịch phía Bắc sông Cấm (Hải Phòng - Thủy Nguyên) kết nối thành phố với một số điểm tham quan tiêu biểu của huyện: đình Kiên Bái (xã Kiên Bái), khu di tích lịch sử và danh thắng Tràng Kênh - Bạch Đằng (thị trấn Minh Đức), hồ sông Giá, khu di tích lưu niệm Trưng nguyên Lê Ích Mộc (xã Quảng Thanh)... Cử chọn lực lượng tham gia Lễ hội biển tại Brest, Cộng hòa Pháp; các giải đua thuyền tại một số tỉnh, thành bạn; tham gia các cuộc liên hoan dân ca, nghệ thuật trình diễn dân gian truyền thống do Trung ương và thành phố tổ chức... nhằm tăng cường quảng bá, giới thiệu về vùng đất, con người Thủy Nguyên, nhất là những nét đặc sắc trong văn hóa của cư dân vùng đồng bằng ven biển.

#### 2.3.2. Về tuyên truyền, quảng bá du lịch

Công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin giới thiệu vùng đất, con người và văn hóa Thủy Nguyên. Tại một số điểm tham quan tiêu biểu: Di tích lịch sử danh thắng

Tràng Kênh - Bạch Đằng (thị trấn Minh Đức), Khu di tích lưu niệm Trưng nguyên Lê Ích Mộc (xã Quảng Thanh), đền chợ Giá (xã Kênh Giang), Di tích và danh thắng xã Minh Tân... đều có các ấn phẩm giới thiệu về lịch sử, kiến trúc, cảnh quan của di tích.

Hình thức tuyên truyền, quảng bá tại chỗ cũng được phát huy thông qua việc đăng cai tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, xã hội lớn của thành phố: các chương trình liên hoan văn hóa - văn nghệ, giải thi đấu thể thao; hội chợ thương mại; đón tiếp các đoàn đại biểu trong nước và quốc tế đến thăm, làm việc tại huyện; quảng bá thông qua việc tổ chức thành công các sự kiện, hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao tại huyện:

- Khôi phục và tổ chức định kỳ Hội thi hát Đúm hàng năm (với sự tham gia của các xã có truyền thống hát Đúm gồm Phả Lễ, Lập Lễ, Phục Lễ, Tam Hưng, Ngũ Lão), Lễ giỗ Tổ Ca công - Tổ nghề ca Trù Đông Môn (xã Hòa Bình).

- Tổ chức thường niên các lễ hội dân gian, lịch sử, tôn giáo, văn hóa - thể thao; phần lễ diễn ra trang trọng, phù hợp với thuần phong mỹ tục địa phương; phần hội gắn với nhiều hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao và trò chơi dân gian để tăng sức hấp dẫn, tạo điểm nhấn và sức lan tỏa cho lễ hội. Những năm gần đây, một số lễ hội có sự quan tâm đầu tư đã khởi sắc cả về quy mô và chất lượng, sức lan tỏa: lễ hội truyền thống Tràng Kênh - Bạch Đằng (thị trấn Minh Đức), lễ hội chùa Mỹ Cự (xã Chính Mỹ), lễ hội đình Tân Dương (xã Tân Dương), lễ hội đền chợ Giá (xã Kênh Giang).

#### 2.3.3. Xây dựng thương hiệu, sản phẩm du lịch

- Duy trì khai thác tour du lịch phía Bắc sông Cấm. Lượng khách quốc tế chủ yếu đến với làng quê xã Hoa Động, làng cau xã Cao Nhân; trong đó phần lớn là khách châu Âu và khách du lịch tàu biển. Tại đây, du khách sẽ thăm quan lối kiến trúc nhà cột, vườn cau, các dụng cụ và nếp sinh hoạt của một gia đình

nông dân Bắc Bộ; đồng thời thưởng thức một số món ẩm thực đặc trưng vùng quê như: khoai nướng, luộc; nước trà xanh,...

- Bên cạnh loại hình du lịch khảo cứu nông thôn thì loại hình du lịch văn hóa, lễ hội của huyện tương đối phát triển nhờ hệ thống các di tích, lễ hội phong phú. Loại hình này chủ yếu do các đoàn khách tự tổ chức, tính tự phát và mùa vụ cao. Trung bình mỗi lễ hội thu hút từ 2 đến 4 nghìn lượt người, riêng các lễ hội tiêu biểu như: lễ hội truyền thống Tràng Kênh - Bạch Đằng (thị trấn Minh Đức), chùa Mỹ Cự (xã Chính Mỹ) thu hút hàng chục nghìn lượt người đến tham quan, dự hội.

- Bước đầu tập trung xây dựng thương hiệu, sản phẩm du lịch đặc thù mang sắc thái riêng của từng địa phương; hỗ trợ và khuyến khích các gia đình, doanh nghiệp hình thành các nhóm sản phẩm gắn nhãn hiệu "Sản phẩm đặc biệt Năm Du lịch Quốc gia", như bưởi ở Lâm Động; bánh chưng ở Thủy Đường; hương ở Kiên Bái; khoai lang ở Kênh Giang; rau an toàn tại Hợp Thành, Thủy Đường; na ở Minh Tân, Kỳ Sơn; các sản phẩm mây tre đan ở Chính Mỹ; các sản phẩm đúc ở làng nghề Mỹ Đông...

### 2.4. Phát triển cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch

#### 2.4.1. Cơ sở lưu trú, lưu trú du lịch:

Đến năm 2013, trên địa bàn huyện có 04 cơ sở dịch vụ lưu trú du lịch với trên 150 buồng phòng; trong đó có khách sạn City View tiêu chuẩn 2 sao; khách sạn Đồng Cau, Phú Khang tiêu chuẩn 1 sao; khách sạn thuộc tổ hợp Resort sông Giá thiết kế theo tiêu chuẩn 5 sao và trên 40 cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú khác đã từng bước đáp ứng nhu cầu về nghỉ dưỡng của khách có mức chi tiêu trung bình.

#### 2.4.2. Cơ sở dịch vụ ăn uống:

Tuy có bước phát triển song nhìn chung còn nhỏ lẻ, chưa đủ khả năng phục vụ cho lượng lớn du khách. Các quán ăn đặc sản chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện hoặc tập trung gần vùng cung cấp nhiên liệu như thị trấn Minh Đức, xã Lập Lễ.



Sân golf sông Giá

#### 2.4.3. Các loại hình dịch vụ khác:

Ngoài sân golf sông Giá, hầu hết các cơ sở dịch vụ giải trí, thư giãn khác đều có quy mô nhỏ lẻ như: phòng massage, karaoke... Hệ thống cơ sở thể dục thể thao, dịch vụ thể thao tương đối phát triển, nhất là tại khu vực trung tâm huyện: các sân tennis, cầu lông, sân vận động, sân bóng mini, phòng tập thẩm mỹ, thể hình...

### 2.5. Công tác quản lý nhà nước về du lịch

- Năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Thủy Nguyên thời kỳ 1996 - 2000.

- Năm 2003, Ban Thường vụ ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TU về xây dựng và phát triển huyện Thủy Nguyên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Năm 2007, xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện thủy Nguyên đến năm 2020.



- Tập trung chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện văn hóa tại huyện đảm bảo chất lượng, an toàn, tiết kiệm. Tăng cường công tác giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho nhân dân về bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường văn hoá xã hội... qua đó góp phần quảng bá hình ảnh Thủy Nguyên thân thiện và mến khách.

- Năm 2011, huyện phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổ chức Hội nghị phổ biến quy định của pháp luật trong lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực liên quan... cho lãnh đạo, công chức văn hóa - thông tin các xã, thị trấn, các chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch trên địa bàn.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường kiểm tra, phối hợp kiểm tra việc chấp hành các văn bản pháp luật đối với các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch, đặc biệt là việc chấp hành các quy định về điều kiện kinh doanh lưu trú du lịch, treo biển hạng, chế độ thông báo, báo cáo kết quả hoạt động của các cơ sở lưu trú du lịch...

### 3. Định hướng phát triển

Năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Đề án *Phát triển du lịch huyện Thủy Nguyên đến năm 2020*, với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp.

#### 3.1. Quan điểm

- Khai thác tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên nhân văn, truyền thống lịch sử cho phát triển du lịch; đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm du lịch; tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch.

- Phát triển du lịch theo hướng bền vững, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020; gắn với phát triển nông thôn mới, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và đặc thù văn hoá địa phương, tạo môi trường giao tiếp ứng xử lịch sự, văn minh.

- Phát triển du lịch phải là nhiệm vụ của toàn xã hội, tăng cường sự liên kết, hợp tác để đẩy mạnh phát triển du lịch và du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế địa phương, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp, thương mại, tiểu thủ công nghiệp; tạo thêm việc làm, nâng cao dân trí địa phương.

#### 3.2. Mục tiêu

- Trở thành trung tâm du lịch vệ tinh quan trọng của thành phố, từng bước khẳng định vị thế của du lịch Thủy Nguyên trên bản đồ du lịch Hải Phòng và khu vực, điểm dừng chân hấp dẫn trong các tour, tuyến du lịch Hải Phòng - Quảng Ninh, Hải Phòng - Hải Dương...

- Phấn đấu đến năm 2017, Thủy Nguyên có 02-03 địa điểm du lịch hấp dẫn, chất lượng, xứng tầm; có 01-02 lễ hội cấp vùng được tổ chức thường niên, trước mắt là xây dựng và tổ chức *Lễ hội chiến thắng Bạch Đằng năm 1288* để tạo điểm nhấn và sức lan tỏa cho du lịch.

- Phấn đấu đến năm 2020, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế địa phương, từng bước đưa Thủy Nguyên thực sự trở thành trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch sinh thái quan trọng của thành phố.

- Xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở dịch vụ, nguồn nhân lực du lịch chất lượng, văn minh đáp ứng với yêu cầu thực tiễn phát triển du lịch.

Thương mại, du lịch và dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của huyện, thúc đẩy sự tăng trưởng của các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải. Thương mại, du lịch phát triển sẽ mở ra triển vọng mới cho các loại sản phẩm hàng hóa của huyện được lưu thông trên thị trường trong nước và hướng ra thị trường nước ngoài, góp phần xây dựng huyện văn minh, kinh tế - xã hội phát triển vững chắc.